

UBND HUYỆN THANH TRÌ

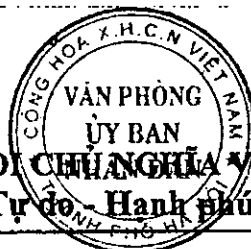
PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN

Thanh Trì, ngày 07 tháng 05 năm 2020

Tóm tắt nội dung và kiến nghị giải quyết	Ý kiến chỉ đạo giải quyết của lãnh đạo
1. Đơn vị gửi văn bản: UBND TPHN - Số: 1833/QĐ-UBND ngày 6/5/2020 2. Nội dung văn bản: Quyết định phê duyệt Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020 3. Văn phòng đề xuất: Chuyển đ/c Huyện - PCT UBND huyện chỉ đạo <i>[Signature]</i>	Chủ tịch UBND huyện: <i>[Signature]</i> Phó CT UBND huyện: <i>[Signature]</i> <i>[Signature]</i> 11/5.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



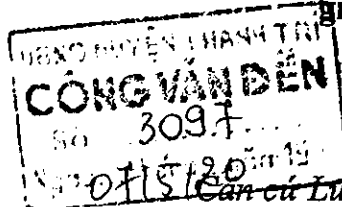
Ký bởi: Văn phòng Ủy ban
Nhân dân Thành phố
Ngày ký: 07/05/2020
08:52:55 +07:00

Số: **4833** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **06** tháng **5** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT- BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 969 /TTr-SNV ngày 15 tháng 4 năm 2020 về việc ban hành 03 Đề án tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông thuộc thành phố Hà Nội năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020.



Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án

1. Giao Sở Nội vụ tham mưu với UBND Thành phố thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020; làm nhiệm vụ Thường trực Hội đồng; tham mưu tổ chức thực hiện Đề án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thanh tra Thành phố tham mưu với UBND Thành phố thành lập Ban Giám sát và chủ trì giám sát việc tổ chức thực hiện kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận, huyện, thị xã tổ chức thẩm định hồ sơ và chịu trách nhiệm cử giáo viên có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng; phối hợp tổ chức thực hiện kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chánh Thanh tra Thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP;
- UBND TP: PCT TT Nguyễn Văn Sửu,
PCT Ngô Văn Quý;
- VP UBND TP: CVP, PCVP-V.T.Anh;
các phòng: NC, KGVX, TKBT;
- Lưu: VT, NC, SNV(G).

14384-11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn Sửu**

BVM

ĐỀ ÁN

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III
đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập
thuộc thành phố Hà Nội năm 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020
của UBND Thành phố)*

Phần I

CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.
- Luật Viên chức ngày 15/11/2010.
- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.
- Khoản 2 Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016.
- Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.
- Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 1655/BNV-CCVC ngày 31/3/2020 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự xét nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Các quy định của pháp luật hiện hành về chuẩn nghề nghiệp giáo viên; chuẩn hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trung học phổ thông.

- Nghị Quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

- Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã và Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Công văn số 6089/BGDĐT-CCVC ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Bộ Nội vụ, Công văn số 4645/SGD&ĐT-GDTH-CN ngày 14/12/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

II. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Hiện nay, toàn Thành phố có tổng số 28.169 giáo viên mầm non và 25.091 giáo viên tiểu học đang công tác trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong những năm gần đây, thực hiện các quy định của pháp luật, Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng các đề án về sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ và cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo của viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân công nhiệm vụ và quản lý viên chức theo vị trí việc làm đúng quy định. Đến nay, viên chức ngành giáo dục và đào tạo đã được chuyển xếp mã số và chức danh nghề nghiệp theo quy định mới.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập kèm theo Thông tư số

28/2017/TT- BGDDT, trong đó hướng dẫn cụ thể việc tổ chức xét thăng hạng giáo viên từ hạng IV lên hạng III.

Việc xây dựng Đề án “Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020” là cần thiết để góp phần nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ viên chức chuyên ngành giáo dục tại các cơ sở giáo dục của Thành phố, đáp ứng đúng yêu cầu công việc tại vị trí việc làm đang được phân công, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công về giáo dục bậc mầm non, tiểu học và thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên.

Phần II

MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

I. Mục tiêu của Đề án

Nhằm xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên đang làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học công lập thuộc Thành phố có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định được xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, phù hợp với vị trí việc làm; qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học của Thành phố đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Thủ đô trong giai đoạn hiện nay.

II. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi

Đề án này quy định việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III theo quy định của pháp luật đối với giáo viên mầm non, tiểu học các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc các sở (có cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học), UBND quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng

Viên chức chuyên ngành giáo dục, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (sau đây gọi chung là giáo viên), đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng IV theo quy định tại các Thông tư liên tịch số 20, số 21/2015/TTLT-BGDDT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học công lập, đang làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học công lập thuộc Thành phố, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III. Các chức danh nghề nghiệp hạng IV, cụ thể là:

- Giáo viên mầm non hạng IV, mã số V.07.02.06 (thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.05);
- Giáo viên tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09 (thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.08).

Phần III

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ NHU CẦU ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG

I. Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học thuộc các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội

1. Số lượng được giao và cơ cấu giáo viên theo chức danh nghề nghiệp

Tính đến ngày 28/02/2020, số lượng viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp:

- Giáo viên mầm non được giao trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là 31.378 người.

- Giáo viên tiểu học được giao trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là 26.869 người.

Theo quy định tại Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã và Sở Giáo dục và Đào tạo, số lượng giáo viên mầm non, tiểu học nêu trên được xác định giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học hạng IV trở lên; viên chức trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội được xác định giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III trở lên. Tuy nhiên, trong Quyết định Thành phố chưa xác định cơ cấu theo từng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên cụ thể

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành; căn cứ Khoản 2 Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016; sau khi xem xét đề nghị của UBND quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo và báo cáo của Sở Nội vụ, để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, UBND Thành phố thống nhất xác định cơ cấu viên chức theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học thuộc các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập của UBND quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2020 như sau:

** Khối các đơn vị sự nghiệp giáo dục mầm non công lập thuộc Thành phố:* Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non được giao là 31.378 người, cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non trong năm 2020 gồm: 479 giáo viên mầm non hạng II; 20.507 giáo viên mầm non hạng III; 10.392 giáo viên mầm non hạng IV.

** Khối các đơn vị sự nghiệp giáo dục tiểu học, phổ thông cơ sở công lập thuộc Thành phố:* Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học được giao là 26.869 người; cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học trong năm 2020 gồm: 6.489 giáo viên tiểu học hạng II; 14.352 giáo viên tiểu học hạng III; 6.028 giáo viên tiểu học hạng IV.

** Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:* trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội:

- Có tổng số 03 viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, trước mắt xác định cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non trong năm 2020 gồm: 01 giáo viên mầm non hạng II; 02 giáo viên mầm non hạng III.

- Có tổng số 02 viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trước mắt xác định cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học trong năm 2020 gồm: 01 giáo viên tiểu học hạng II; 01 giáo viên tiểu học hạng III.

2. Số lượng, cơ cấu giáo viên hiện có theo chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học

2.1. Giáo viên mầm non

- Khối các cơ sở giáo dục mầm non công lập: Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện có là 28.166 người, gồm: 175 giáo viên mầm non hạng II; 555 giáo viên mầm non hạng III; 27.376 giáo viên mầm non hạng IV.

- Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục: Trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội: Tổng số viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện có là 03 người, gồm: 01 giáo viên mầm non hạng III; 02 giáo viên mầm non hạng IV.

2.2. Giáo viên tiểu học

- Khối các cơ sở giáo dục tiểu học, phổ thông cơ sở công lập: Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hiện có là 25.089 người, gồm: 4.332 giáo viên tiểu học hạng II; 6.996 giáo viên tiểu học hạng III; 13.643 giáo viên tiểu học hạng IV.

- Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội): Tổng số viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hiện có là 02 người, gồm: 01 giáo viên tiểu học hạng III; 01 giáo viên tiểu học hạng IV.

II. Số lượng giáo viên mầm non, tiểu học hạng III còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm trong năm 2020

Căn cứ cơ cấu nhu cầu và thực trạng nêu trên, số lượng giáo viên mầm non, tiểu học hạng III còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm trong năm 2020 là 28.585 người, cụ thể:

1. Khối mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở công lập còn thiếu là 28.582 người

- Số lượng giáo viên mầm non hạng III còn thiếu là 20.099 người.

- Số lượng giáo viên tiểu học hạng III còn thiếu là 8.483 người.

2. Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục (trường trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội) xác định nhu cầu bố trí tổng số giáo viên tiểu học, mầm non hạng III còn thiếu là 03 người:

- Số lượng giáo viên mầm non hạng III còn thiếu là 02 người.

- Số lượng giáo viên tiểu học hạng III còn thiếu là 01 người.

Phần IV

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

I. Tiêu chuẩn, điều kiện

Giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Khi cơ sở giáo dục nơi viên chức giáo viên đang công tác có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học hạng III-hạng đăng ký dự xét thăng hạng và được Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện có văn bản cử tham dự kỳ thăng hạng.

2. Giáo viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 (ba) năm học liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ (các năm học: 2016- 2017, 2017-2018, 2018- 2019 và đến hết 17 giờ ngày 28 tháng 02 năm 2020); có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo viên mầm non, tiểu học hạng III (tính đến 17 giờ 28/02/2020) quy định tại Điều 5 của Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV , Điều 5 của Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học công lập, trong đó có yêu cầu:

3.1. Tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học đối với giáo viên mầm non, tiểu học hạng IV dự xét thăng hạng lên hạng III, như sau:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT), hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B tương đương trình độ A2 (thực hiện theo Công văn số 6089/BGDĐT-CCVC ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Bộ Nội vụ, Công văn số 4645/SGD&ĐT-GDTEX-CN ngày 14/12/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học), hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với vị trí việc làm có yêu cầu tiếng dân tộc.

Giáo viên dạy ngoại ngữ phải có trình độ ngoại ngữ thứ hai đạt bậc 2 (A2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C, B1, B2, C1, C2; các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đã cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ bậc 2 quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

Bên cạnh đó, theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 1655/BNV-CCVC ngày 31/3/2020: Giáo viên có các loại văn bằng sau đây thì đáp ứng đủ tiêu chuẩn, trình độ ngoại ngữ:

- + Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về ngoại ngữ;
- + Bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập bằng tiếng nước ngoài;
- + Bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tính từ ngày 15/4/2011 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, trước khi bảo vệ luận văn phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3 trở lên theo khung Châu Âu);
- + Bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 22/6/2009 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT trước khi bảo vệ luận án có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4 trở lên theo khung Châu Âu).

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT). Chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin). Đối với giáo viên đã được cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ trình độ sơ cấp nghề tin học ứng dụng, tin học văn phòng, tin học cơ sở..., mà thời gian, nội dung đào tạo, bồi dưỡng để cấp các chứng chỉ này tương đương với nội dung, thời gian bồi dưỡng để cấp chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A, B, C hoặc chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản thì được xác định đủ tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ tin học để được dự kỳ thăng hạng viên chức giáo viên năm 2020.

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với Giáo viên mầm non hạng IV dự xét thăng hạng lên hạng III:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;
- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non;
- Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;
- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;
- Tính đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ: Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non

hạng IV từ đủ 01 (một) năm trở lên; có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên trước thời điểm thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III.

* Tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với giáo viên tiểu học hạng IV dự xét thăng hạng lên hạng III:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

- Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

- Tính đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ: có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV từ đủ 01 (một) năm trở lên; có Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên, thời điểm tốt nghiệp trước thời điểm thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III.

4. Trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

4.1. Giáo viên tính đến ngày 31/12/2020 (năm tổ chức xét thăng hạng), có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp.

4.2. Trong trường hợp giáo viên thuộc tiểu mục 4.1 nêu trên có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

II. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

1. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của giáo viên

Hồ sơ đăng ký dự thăng hạng của giáo viên mầm non, tiểu học từ hạng IV lên hạng III, thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày

18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2012/TT-BNV).

Hồ sơ được đựng trong túi bằng bìa cứng cỡ 25cm x 34cm, bên ngoài ghi rõ: Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng giáo viên mầm non (hoặc tiểu học) từ hạng IV lên hạng III năm 2020, họ và tên của người đăng ký dự xét, thống kê đầy đủ danh mục các giấy tờ có trong hồ sơ và số điện thoại cần liên hệ. Tài liệu trong hồ sơ sắp xếp theo đúng thứ tự sau đây, bao gồm:

1.1. Đơn đăng ký dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo mẫu).

1.2. Bản sơ yếu lý lịch của giáo viên có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý (theo mẫu sơ yếu lý lịch ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV).

1.3. Bản nhận xét, đánh giá giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm học liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ của Hiệu trưởng trường mầm non hoặc tiểu học công lập đối với giáo viên không giữ chức vụ quản lý hoặc của Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, Giám đốc Sở đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (các năm học: 2016- 2017, 2017-2018, 2018- 2019 và đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2020, theo mẫu quy định).

1.4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, tiểu học hạng III theo quy định, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực; (như đã liệt kê tại tiểu mục 3 mục I trên đây). Các loại văn bằng, chứng chỉ bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng, dịch thuật sang Tiếng Việt.

Giấy xác nhận học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam của cơ sở đào tạo đối với trường hợp tốt nghiệp đại học, sau đại học học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam; Giấy xác nhận văn bằng được cấp bởi Trung tâm Công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng- Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường hợp tốt nghiệp đại học, sau đại học tại nước ngoài.

Các văn bằng, chứng chỉ, xác nhận khác chứng minh đủ điều kiện về trình độ ngoại ngữ, tin học và miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học (nếu có).

1.5. Bản sao: Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng hoặc quyết định tuyển dụng của cấp có thẩm quyền, hợp đồng làm việc đối với viên chức theo quy định của pháp luật; quyết định bổ nhiệm ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên; thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên; quyết định tiếp nhận, điều động (nếu có); quyết định bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý (đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng); quyết định nâng bậc lương hiện hưởng;

1.6. Các loại văn bản, giấy tờ chứng minh thành tích trong quá trình công tác:

- Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc Quyết định hoặc Thông báo hoặc văn bản công nhận giáo viên mầm non dạy giỏi cấp trường trở lên (đối với giáo viên mầm non).

- Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc Quyết định hoặc Thông báo hoặc văn bản công nhận giáo viên tiểu học dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên (đối với giáo viên tiểu học).

1.7. Bản nhận xét và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III:

* Đối với giáo viên mầm non: Bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III:

- Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

- Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn;

- Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên;

- Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có.

* Đối với giáo viên tiểu học: Bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III:

- Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới;

- Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp;

- Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên;

- Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên;

- Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi;

- Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên.

1.8. Biên bản và các minh chứng (nếu có) về các nội dung sau:

* Đối với giáo viên mầm non: Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau:

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non;

Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

* Đối với giáo viên tiểu học: Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

- Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên.

2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

2.1. Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (có cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, cơ sở bồi dưỡng chuyên ngành giáo dục trực thuộc) chịu trách nhiệm xét duyệt, thẩm định hồ sơ, cử giáo viên có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng theo quy định;

2.2. Giáo viên dự xét thăng hạng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng. Giáo viên sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, kê khai không đúng sự thật để đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, khi bị phát hiện sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định và hủy kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

III. Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự xét thăng hạng

Trong thời gian xây dựng Đề án, đến ngày 28/02/2020, UBND các quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản đăng ký nhu cầu chỉ tiêu

thăng hạng (số giáo viên hạng III còn thiếu theo yêu cầu vị trí việc làm, đã nêu tại mục II phần IV Đề án này), đồng thời xác định đủ tiêu chuẩn, điều kiện và cử 20.055 giáo viên mầm non, tiểu học hạng IV dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III, cụ thể như sau:

1. Khối mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở công lập có tổng số 20.053 giáo viên được cử dự thăng hạng, gồm:

- Có 13.983 giáo viên mầm non đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III.

- Có 6.070 giáo viên tiểu học đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng IV lên hạng III.

2. Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (trường trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và Trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội) có 02 giáo viên mầm non đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

IV. Nội dung, hình thức xét thăng hạng, xác định người trúng tuyển

1. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mầm non, tiểu học từ giáo viên hạng IV lên giáo viên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III của mỗi cấp học.

2. Cách tính điểm hồ sơ xét thăng hạng

2.1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

2.2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

2.2.1. Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

2.2.2. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

2.2.3. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm.

2.2.4. Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí tại phụ lục kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT và được nêu cụ thể tại phụ lục kèm theo Đề án này.

2.3. Điểm tăng thêm:

- Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc tiểu mục 2.2.2 nêu trên); có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự

thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc tiêu mục 2.2.3 nêu trên);

- Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

2.4. Đối với những trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên quy định tại Điều 9 của Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT (đã nêu tại tiêu mục 4 phần I Đề án này) vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

3. Xác định người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả

3.1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;
- Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT.

3.2. Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học được thông báo tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét chậm nhất sau 15 ngày làm việc, tính từ thời điểm hoàn thành kỳ xét thăng hạng.

3.3. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2020 không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

V. Kinh phí, thời gian, địa điểm

1. Kinh phí

Kinh phí tổ chức thi thăng hạng thực hiện trích từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, UBND Thành phố đã giao cho Sở Nội vụ để tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Lệ phí dự xét được thu theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Nghị Quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

2. Thời gian tổ chức thực hiện

Bắt đầu từ tháng 4 năm 2020.

3. Địa điểm

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên có văn bản thông báo cụ thể về địa điểm tổ chức xét thăng hạng.

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Trách nhiệm của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III năm 2020 có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 31 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các quy định pháp luật hiện hành:

1. Hội đồng xét thăng hạng do UBND Thành phố thành lập, dự kiến có 07 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nội vụ; 01 Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ; 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; 01 Ủy viên kiêm thư ký là Trưởng phòng Công chức, viên chức; 03 Ủy viên là công chức lãnh đạo thuộc Phòng Công chức, viên chức, Phòng Xây dựng chính quyền thuộc Sở Nội vụ, Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Hội đồng xét thăng hạng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- Thông báo kế hoạch, nội quy, hình thức, nội dung, thời gian và địa điểm xét thăng hạng;
- Thông báo tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng;
- Tổ chức thu phí dự xét thăng hạng và sử dụng theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức thực hiện xét thăng hạng viên chức theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Nội quy, quy chế xét thăng hạng ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;
- Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố công nhận kết quả xét thăng hạng;
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng theo quy định của pháp luật.

II. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố

1. Sở Nội vụ

Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng xét thăng hạng, có trách nhiệm:

- Tham mưu UBND Thành phố quyết định thành lập Hội đồng xét; đề nghị Hội đồng xét quyết định thành lập các ban giúp việc Hội đồng, thực hiện các công việc khác liên quan;

- Tiếp nhận, tổng hợp danh sách viên chức giáo viên đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng theo đề nghị của UBND quận, huyện, thị xã, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; trình UBND Thành phố phê duyệt danh sách giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được các cơ quan, đơn vị cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên; kịp thời tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, trình Hội đồng xét thăng hạng, UBND Thành phố xem xét, xử lý, giải quyết đối với viên chức giáo viên không đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng trong quá trình tham mưu, tổ chức thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu, tổ chức kỳ xét thăng hạng theo quy định;

- Tham mưu, trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên;

- Thẩm định hồ sơ của giáo viên trúng tuyển kỳ xét thăng hạng, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng III, xếp lương đối với giáo viên trúng tuyển kỳ xét thăng hạng theo quy định;

- Báo cáo UBND Thành phố kết quả xét thăng hạng.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Cử công chức dự kiến tham gia Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo số lượng, thành phần quy định tại Đề án này, gửi Sở Nội vụ tổng hợp trình UBND Thành phố xem xét, quyết định.

- Thực hiện các nội dung như quy định tại tiểu mục 5 dưới đây.

3. Sở Tài chính

Bố trí kinh phí, hướng dẫn lập dự toán, quyết toán kinh phí phục vụ kỳ xét thăng hạng theo quy định.

4. Thanh tra Thành phố

Chủ trì trình UBND Thành phố quyết định thành lập Ban Giám sát và thực hiện giám sát kỳ xét thăng hạng đúng quy định.

5. UBND quận, huyện, thị xã

5.1. Căn cứ hướng dẫn của Hội đồng xét thăng hạng và của Sở Nội vụ:

- Chỉ đạo phòng Nội vụ chủ trì phối hợp phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập phổ biến chi tiết Đề án, kế hoạch xét thăng hạng đến toàn thể giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo thực hiện đúng quy định việc tiếp

nhận, thu lệ phí đăng ký dự xét giúp Hội đồng, thẩm định hồ sơ, tổng hợp, lập danh sách giáo viên có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng;

- Căn cứ Quyết định của UBND Thành phố về việc phê duyệt Đề án và danh sách viên chức có đủ các kiện, tiêu chuẩn được cử dự xét thăng hạng, giúp Hội đồng xét thăng hạng thông báo các nội dung liên quan đến kỳ xét thăng hạng đến các đơn vị và viên chức có liên quan thuộc quyền quản lý;

- Chịu trách nhiệm về việc cử giáo viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn đi dự thăng hạng; tiếp tục rà soát, kiểm tra, thẩm định danh sách viên chức giáo viên có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đã được UBND cấp huyện lập danh sách cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên; trường hợp phát hiện viên chức không đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi, thì kịp thời báo cáo Hội đồng xét thăng hạng và UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, xử lý, giải quyết theo quy định;

- Hoàn chỉnh, gửi hồ sơ của giáo viên trúng tuyển kỳ xét thăng hạng về Sở Nội vụ để được thẩm định và quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hạng III theo yêu cầu;

- Phối hợp Thường trực Hội đồng xét thăng hạng thực hiện các công việc khác liên quan;

- Lưu trữ hồ sơ theo quy định.

5.2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ của giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng và báo cáo kết quả giải quyết về Sở Nội vụ để báo cáo UBND Thành phố (nếu có).

Trên đây là Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội năm 2020. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các sở, UBND quận, huyện, thị xã phản ánh về Sở Nội vụ (qua phòng Công chức, viên chức) để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, giải quyết./.

le *BH*

TỔNG CƠ CẤU, CHỈ TIÊU VÀ SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN ĐƯỢC CỬ DỰ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN
MẦM NON TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020 CỦA TOÀN THÀNH PHỐ
(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Vị trí việc làm	Đề xuất cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non năm 2020				Tổng số viên chức quản lý hiện có	Số lượng viên chức theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp biên chế				Cơ cấu trình độ đào tạo của giáo viên hiện có (thống kê theo trình độ cao nhất, ngành phù hợp)				Số viên chức giáo viên MN hạng II còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức giáo viên MN hạng III còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng lên hạng III	Ghi chú	
		Tổng số viên chức (cả quản lý) được giao	Hạng II	Hạng III	Hạng IV		Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Ngành/ Chức danh nghề nghiệp, hạng khác (nếu có)	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp					
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số toàn TP	31381	480	20509	10392	28169	175	556	27378	60	190	21671	3471	3869	305	148	20101	13985	
I	Tổng số giáo viên thuộc ĐVSN mầm non công lập của toàn Thành phố	31378	479	20507	10392	28166	175	555	27376	60	188	21670	3471	3869	304	147	20099	13983	
II	Sự nghiệp GD khác thuộc Sở Giáo dục	3	1	2	0	3	0	1	2	0	2	1	0	0	1	1	2	2	
I	Trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục HN	2	1	1	0	2	0	1	1	0	1	1	0	0	1	1	1	1	
2	Trường Trung cấp SP Mẫu giáo - Nhà trẻ HN	1	0	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	

**TỔNG CƠ CẤU, CHỈ TIÊU VÀ SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN ĐƯỢC CỬ DỰ THẮNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN
TIÊU HỌC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020 CỦA TOÀN THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số **1833/QĐ-UBND** ngày **06** tháng **5** năm **2020** của UBND Thành phố)

TT	Vị trí việc làm	Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học năm 2020				Tổng số viên chức giáo viên quản lý hiện có	Số lượng viên chức theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học hiện có trong biên chế				Cơ cấu trình độ đào tạo của giáo viên hiện có (thống kê theo trình độ cao nhất, ngành phù hợp)				Số viên chức giáo viên tiểu học hạng II còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức giáo viên tiểu học hạng III còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng lên hàng III	Ghi chú	
		Tổng số viên chức giáo viên quản lý được giao	Hạng II	Hạng III	Hạng IV		Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Nghề/ Chức danh nghề nghiệp/ khác (nếu có)	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp					
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số toàn TP	26871	6490	14353	6028	25091	4332	6997	13644	117	438	15013	8822	814	2158	1116	8484	6070	
I	Tổng số giáo viên thuộc ĐVSN tiêu học, phổ thông cơ sở công lập của toàn Thành phố	26869	6489	14352	6028	25089	4332	6996	13643	117	436	15013	8822	814	2157	1115	8483	6070	
II	Trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục HN thuộc Sở Giáo dục	2	1	1	0	2	0	1	1	0	2	0	0	0	1	1	1	0	

SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC CỦA TOÀN THÀNH PHỐ
ĐƯỢC CỬ DỰ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
GIÁO VIÊN TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020
(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

STT	ĐƠN VỊ	Số lượng giáo viên mầm non	Số lượng giáo viên tiểu học
	Tổng số	13985	6070
1	Quận Ba Đình	150	163
2	Quận Hoàn Kiếm	253	98
3	Quận Đống Đa	224	192
4	Quận Hai Bà Trưng	232	156
5	Quận Cầu Giấy	384	191
6	Quận Tây Hồ	213	93
7	Quận Thanh Xuân	274	189
8	Quận Hoàng Mai	360	206
9	Quận Long Biên	538	342
10	Quận Hà Đông	557	256
11	Quận Bắc Từ Liêm	413	159
12	Nam Từ Liêm	236	97
13	Thị xã Sơn Tây	247	117
14	Huyện Gia Lâm	638	259
15	Huyện Đông Anh	928	302
16	Huyện Sóc Sơn	579	191
17	Huyện Thanh Trì	617	166
18	Huyện Ba Vì	751	429
19	Huyện Thạch Thất	532	235
20	Huyện Quốc Oai	525	168
21	Huyện Phúc Thọ	482	235
22	Huyện Đan Phượng	314	161
23	Hoài Đức	747	201
24	Huyện Chương Mỹ	579	268
25	Thanh Oai	319	158
26	Huyện Ứng Hòa	551	182
27	Huyện Mỹ Đức	535	200
28	Huyện Thường Tín	707	227
29	Huyện Phú Xuyên	591	201
30	Huyện Mê Linh	474	210
31	Sở Giáo dục và Đào tạo	35	18

Phụ lục
HƯỚNG DẪN MINH CHỨNG VÀ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC CÔNG LẬP
TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 4833/QĐ-UBND
 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

I. Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học (từ hạng IV lên hạng III)

1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III.

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới (1,5 điểm);

b) Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp (0,5 điểm);

c) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên (1,5 điểm);

d) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);

đ) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi (0,5 điểm);

e) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm).

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

b) Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn (2 điểm);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có (0,5 điểm).

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (5 điểm);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (5 điểm).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non (5 điểm);

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non (30 điểm);

Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (20 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận của hiệu trưởng thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

ĐANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN THANH TRÌ CỘ BÙ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DƯỚI XÉT THANG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIÊU HỌC TỬ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020
(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ được đăng công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (tính từ số bằng, kể từ thời gian giữ công chức hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hàng dự thi					Đã qua chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ							Bậc lương	Mã số hàng công chức hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chứng chỉ nghiệp vụ (tháng/năm)	Đã qua điều tra ĐK về trình độ nghiệp vụ	Trình độ nghiệp vụ	Chứng chỉ bồi dưỡng CNTT gần nhất	
1	Đặng Thị Phương			20/05/1975	TH Yên Mỹ	01/08/2008	01/02/2009	12/4/2017	11 năm	2.86	V.03.07.09	DHSP	29/8/2014	x	Ảnh A2	x	x
2	Nguyễn Thanh Ngân			15/02/1993	TH Yên Mỹ	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4 năm 11 tháng	2.26	V.03.07.09	DHSP	02/10/2017	x	Ảnh A2	x	x
3	Bùi Thị Thùy Dung			05/10/1991	TH Ngõ Hiệp	01/11/2012	01/05/2013	12/4/2017	7 năm	2.46	V.07.03.09	DHSP	02/10/2017	x	Ảnh A2	x	x
4	Lê Nguyễn Lê Giang			09/04/1981	TH Ngõ Hiệp	01/8/2008	01/8/2008	12/04/2017	12 năm	3.06	V.07.03.09	DHSP	23/4/2012	x	Ảnh A2	x	x
5	Nguyễn Thị Huệ			24/01/1980	TH Ngõ Hiệp	01/8/2008	01/8/2008	12/04/2017	12 năm	2.86	V.07.03.09	BHSP	10/12/2011	x	Ảnh B	x	x
6	Nguyễn Thị Huyền			03/12/1991	TH Ngõ Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	8 năm	2.46	V.07.03.09	DHSP	29/8/2014	x	Ảnh A2	x	x
7	Lê Thu Hương			09/12/1989	TH Ngõ Hiệp	01/01/2011	01/7/2011	12/04/2017	9 năm	2.66	V.07.03.09	DHSP	02/4/2014	x	Ảnh A2	x	x
8	Lê Thị Ngọc Liên			14/04/1982	TH Ngõ Hiệp	01/12/2009	01/12/2009	12/4/2017	11 năm	2.86	V.07.03.09	Cử nhân CNTT	28/4/2008	x	Ảnh B1	x	x
9	Nguyễn Chi Mai			17/12/1979	TH Ngõ Hiệp	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	13 năm	2.86	V.07.03.09	DHSP	09/10/2006	x	Ảnh A2	x	x
10	Thái Thanh Ngân			19/5/1993	TH Ngõ Hiệp	01/9/2014	01/03/2015	12/4/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	DHSP	02/10/2017	x	Ảnh A2	x	x
11	Trần Phương Nhân			15/7/1982	TH Ngõ Hiệp	01/8/2008	01/02/2009	12/04/2017	11 năm	2.86	V.07.03.09	DHSP	18/9/2008	x	Ảnh B	x	x
12	Trần Thị Phương Dung			15/9/1977	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3.26	V.07.03.09	DHSP	29/11/2002	x	Ảnh B	x	x
13	Trần Thị Hương			10/9/1978	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3.26	V.07.03.09	DHSP	19/06/2009	x	Ảnh B	x	x
14	Nguyễn Thị Chuyền			17/7/1974	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3.06	V.07.03.09	DHSP	23/4/2012	x	Ảnh B	x	x
15	Hoàng Phương Thảo			03/8/1981	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3.06	V.07.03.09	CĐSP Tin	01/10/2002	Cao đẳng	Ảnh A2	x	x
16	Hoàng Thanh Hoa			19/9/1985	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3.06	V.07.03.09	DHSP	13/7/2012	x	Ảnh B	x	x
17	Trần Thị Thảo			29/5/1986	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3.06	V.07.03.09	DHSP	29/8/2014	x	Ảnh B	x	x
18	Lý Văn Anh			02/01/1984	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3.06	V.07.03.09	BHSP	05/11/2009	x	Ảnh B	x	x
19	Phạm Thị Xuân Oanh			23/9/1981	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/02/2009	12/4/2017	11n1th	2.86	V.07.03.09	CĐSP	05/7/2007	x	Ảnh B	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Chức vụ, được đăng công tác	Tên trường	Thời điểm được bổ nhiệm vào trước đây (ngày/tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hiện tại (ngày/tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng dưới (ngày/tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, số ngày)	Mức lương bậc lương		Trình độ chuyên môn	Vấn đề, công tác theo yêu cầu của pháp luật		Đã qua huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng theo quy định			
		Nam	Nữ	12							13	14		15	16		17	18	19
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	Phạm Đình	15/12/1988				Giáo viên	TH Liên Ninh	01/01/2011	01/7/2011	12/4/2017	8n8th	2,66	V.07.03.09	DHSP	29/7/2014	x	Anh B	x	
21	Phạm Thị				17/10/1992	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/09/2014	01/3/2015	12/4/2017	5n0th	2,26	V.07.03.09	CDSP	11/6/2014	x	Anh B	x	
22	Hoàng Mạnh				31/5/1978	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/01/2007	01/07/2007	12/4/2017	13n2th	3,06	V.07.03.09	DHSP	23/4/2012	x	Anh B	x	
23	Nguyễn Đình				08.08.1977	Giáo viên	TH Đại An	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n5th	3,26	V.07.03.09	DHSP	08/2001	x	Anh B2	x	
24	Nguyễn Thị				28/10/1988	Giáo viên	TH Đại An	01/01/2011	01/07/2011	12/04/2017	8n7th	2,66	V.07.03.09	DHSP	05/2014	x	Anh A2	x	
25	Nguyễn Thị				17/07/1988	Giáo viên	TH Đại An	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9n1th	2,66	V.07.03.09	DHSP	05/2013	x	Anh A2	x	
26	Nguyễn Thị				03/09/1980	Giáo viên	TH Đại An	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n5th	3,26	V.07.03.09	DHSP	01/2009	x	Anh A2	x	
27	Nguyễn Thị Mai				29/11/1976	Giáo viên	TH Đại An	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n5th	3,06	V.07.03.09	DHSP	04/2012	x	Anh A2	x	
28	Nguyễn Thị Thảo				12/09/1982	Giáo viên	TH Đại An	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	10n11th	2,86	V.07.03.09	DHSP	12/2012	Đại học	Anh A2	x	
29	Phạm Thủy				13/02/1994	Giáo viên	TH Đại An	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n5th	2,26	V.07.03.09	DHSP	10/2017	x	Anh A2	x	
30	Nguyễn Thị Thủy				02/10/1982	Giáo viên	TH Đại An	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n5th	3,06	V.07.03.09	DHSP	06/2009	x	Anh A2	x	
31	Phạm Thị				30/05/1988	Giáo viên	TH Đại An	01/03/2009	01/03/2009	12/04/2017	10n11th	2,86	V.07.03.09	DHSP	07/2013	x	Anh A2	x	
32	Nguyễn Thị Hồng				29/03/1979	Giáo viên	TH Đại An	01/01/2007	01/01/2007	12/04/2017	12n6th	3,06	V.07.03.09	DHSP	06/2009	x	Anh A2	x	
33	Nguyễn Thị Kim				19/07/1989	Giáo viên	TH Đại An	01/01/2011	01/07/2011	12/04/2017	8n7th	2,66	V.07.03.09	DHSP	08/2014	x	Anh A2	x	
34	Thị Thị Kim				16/02/1984	Giáo viên	TH Đại An	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n5th	2,86	V.07.03.09	DHSP	04/2012	x	Anh A2	x	
35	Nguyễn Thị				22/12/1977	Giáo viên	TH Thị Thanh Oai	01/8/2008	01/8/2008	12/04/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	DH	06/2009	x	Anh A2	x	
36	Hoàng Thị Việt				18/10/1976	Giáo viên	TH Thị Thanh Oai	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12n8th	3,06	V.07.03.09	DH	06/2009	x	Anh C	x	
37	Nguyễn Thị				31/10/1977	Giáo viên	TH Thị Thanh Oai	01/8/2008	01/8/2008	12/04/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	DH	10/2003	x	Anh B	x	
38	Nguyễn Thị				26/08/1987	Giáo viên	TH Thị Thanh Oai	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n3th	2,86	V.07.03.09	DH	08/2014	x	Anh B	x	
39	Bà Thị Thanh				24/10/1980	Giáo viên	TH Thị Thanh Oai	01/01/2007	01/9/2007	12/04/2017	12n6th	3,06	V.07.03.09	DH	04/2012	x	Anh B	x	
40	Nguyễn Thị				03/11/1978	Giáo viên	TH Thị Thanh Oai	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n3th	3,26	V.07.03.09	DH	08/2006	x	Anh B	x	
41	Lưu Thị Thu				20/12/1983	Giáo viên	TH Thị Thanh Oai	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n3th	2,86	V.07.03.09	DH	08/2014	x	Anh B	x	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được bổ nhiệm vào vị trí (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào vị trí khác (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào vị trí khác (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ chức vụ (tính từ ngày nhận định)	Mức lương hiện hưởng			Vấn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của học dự thi					Đã nêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDC cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ								Hệ số lương	Mã tổ chức danh nghiệp vụ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chứng chỉ (tháng/ năm)	Đã nêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
42	Nguyễn Thị Lai			07/10/1981	Giáo viên	TH Tả Thanh Oai	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	DH	02/2011	Đại học	Anh C	X	X	
43	Lê Thị Huệ			14/12/1980	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n1T	3,06	V.07.03.09	DHSP	23/04/2012	X	Anh A2	X	X	
44	Tân Thị Lưu			14/03/1980	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	9N9T	2,66	V.07.03.09	DHSP	21/06/2008	X	Anh A2	X	X	
45	Nguyễn Thị Kim Phức			28/01/1975	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/01/2011	01/07/2011	12/04/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	DHSP	02/04/2014	X	Anh A2	X	X	
46	Hoàng Thị Kim Huệ			15/12/1976	Giáo viên	TH Vạn Phúc	13/08/2008	15/08/2008	12/04/2017	11n1T	2,86	V.07.03.09	DHSP	23/04/2-12	X	Anh C	X	X	
47	Nguyễn Thị Liên			23/09/1978	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n1T	3,06	V.07.03.09	CBSP	26/08/2003	X	Anh A2	X	X	
48	Nguyễn Thị Cảnh			11/11/1980	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n1T	3,06	V.07.03.09	DHSP	23/04/2012	X	Anh A2	X	X	
49	Châu Thị Bích Ngọc			14/01/1987	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10N3T	3,06	V.07.03.09	DHSP	23/06/2011	X	Anh A2	X	X	
50	Bình Thị Ngọc Hương			09/01/1983	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n1T	3,06	V.07.03.09	DHSP	14/01/2009	X	Anh A2	X	X	
51	Bình Văn Đông			23/02/1986	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/11/2011	01/07/2011	12/04/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	DHSP	29/07/2014	X	Anh A2	X	X	
52	Đoàn Thị Hiền			27/10/1982	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n1T	3,06	V.07.03.09	DHSP	10/07/2017	X	Anh A2	X	X	
53	Phùng Thị Hồng Văn			02/03/1988	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/11/2012	01/09/2013	12/04/2017	6N6T	2,46	V.07.03.09	DHSP	13/07/2012	X	Anh A2	X	X	
54	Nguyễn Thị Phương			19/12/1989	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	7N10T	2,66	V.07.03.09	CBSP	20/07/2011	X	Anh A2	X	X	
55	Nguyễn Thị Chung			20/10/1979	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	2n10 tháng	3,06	V.07.03.09	DH	27/9/2008	X	Anh B	X	X	
56	Nguyễn Thị Nga			29/6/1990	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/01/2011	01/7/2011	12/04/2017	2n10 tháng	2,66	V.07.03.09	DH	29/8/2014	X	Anh B	X	X	
57	Bồ Thị Cẩm Thủy			15/7/1994	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/8/2008	01/2/2009	12/04/2017	2n10 tháng	2,86	V.07.03.09	DH	13/7/2012	X	Anh B	X	X	
58	Khoát Thanh Thủy			28/01/1983	Phó Hiệu trưởng	TH Vạn Phúc	01/12/2009	01/12/2019	12/04/2017	2n10 tháng	3,06	V.07.03.09	DH	19/6/2009	X	Anh A2	X	X	
59	Phạm Thị Thủy			05/5/1993	Giáo viên	TH Vạn Phúc	04/9/2014	01/3/2015	12/04/2017	2n10 tháng	2,26	V.07.03.09	DH	04/7/2017	X	Anh A2	X	X	
60	Nguyễn Thị Thuha			06/6/1981	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/8/2008	01/2/2009	12/04/2017	2n10 tháng	2,86	V.07.03.09	DH	11/9/2008	X	Anh B	X	X	
61	Trương Thị Thanh Nga			17/11/1983	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	THS, GPDT H	10/07/2012	X	Cử nhân Anh	X	X	
62	Nguyễn Thị Hoàn			16/09/1980	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/8/2008	01/02/2009	12/04/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	DH14	19/08/2002	Trung cấp	Pháp B2	X	X	
63	Tân Thanh Bình			30/10/1986	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	CBSP	04/07/2008	X	Cử nhân Anh	X	X	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Chức vụ được đăng công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính chức vào vị trí chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào số nhiệm vụ hạng đang giữ (ngày/tháng/ năm)	Thời gian giữ chức (số năm số tháng, kể từ thời điểm giữ chức hiện tại)	Mức lương hiện hưởng				Vấn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Đã theo chuẩn, đánh giệm về thành tích trong quá trình công tác (CSTGCS, GVNG cấp huyện trở lên)
		Năm	Ng	Ng							Hệ số lương	Mức số bằng chức đang giữ mức hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chứng chức hiện giữ (tháng/năm)	Đã theo chuẩn, ĐKK về trình độ	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng GVNG giáo viên TH		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
64	Hoàng Thị Kim Anh			11/10/1990	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Biên	01/11/2012	01/5/2013	12/4/2017	6 năm	2,46	V.07.03.09	DHSP	06/10/2015	x	Anh B	x	x	
65	Nguyễn Lan Phương			27/12/1993	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Biên	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	DHSP	02/10/2017	x	Anh B	x	x	
66	Vũ Văn Vinh			30/11/1978	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Biên	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	DHSP	08/2005	x	Anh B	x	x	
67	Nguyễn Thị Huyền			19/10/1986	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Biên	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	DHSP	15/05/2013	x	Anh B	x	x	
68	Trần Quốc Tuấn			11/06/1983	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Biên	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	DHSP	17/08/2011	x	Anh B	x	x	
69	Nguyễn Thị Hằng			15/09/1988	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Biên	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	DHSP	10/2017	x	Anh B	x	x	
70	Phạm Thị Thanh Hoa			28/03/1976	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Biên	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	DHSP	08/2001	x	Pháp C	x	x	
71	Vương Thị Bích Ngọc			17/10/1978	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n 7th.	3,06	V.07.03.09	DHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x	x	
72	Nguyễn Minh Tuấn			9/7/1975	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n 7th.	3,26	V.07.03.09	DHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x	x	
73	Yên Văn Thuận			29/1989	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4 n 11 th.	2,26	V.07.03.09	Thực d	10/10/2016	x	Anh B1	x	x	
74	Nguyễn Bích Hòa			7/7/1976	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n 7th.	3,26	V.07.03.09	DHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x	x	
75	Ngô Thị Thao			16/09/1983	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n 1th.	2,86	V.07.03.09	Kỹ sư CNTT	06/12/2011	x	Anh A2	x	x	
76	Nguyễn Thị Hằng			20/06/1989	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	7 n 10 th.	2,66	V.07.03.09	DHSP	29/08/2014	x	Anh A2	x	x	
77	Tô Lan Phương			2/6/1986	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	7 n 10 th.	2,66	V.07.03.09	DHSP	20/10/2016	x	Anh A2	x	x	
78	Bàng Thị Thanh Hòa			19/12/1981	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n 7th.	3,26	V.07.03.09	DHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x	x	
79	Nguyễn Thị Song Hà			20/06/1977	Phó Hiệu trưởng	TH Hòn Hòa	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n 7th.	3,26	V.07.03.09	DHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x	x	
80	Bà Thị Minh Thuận			14/09/1985	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4 n 11 th.	2,26	V.07.03.09	DHSP	23/06/2008	x	Anh B	x	x	
81	Bàng Thị Huyền			03/01/1988	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4 n 11 th.	2,26	V.07.03.09	DHSP	02/10/2017	x	Anh B	x	x	
82	Cao Mỹ Linh			12/09/1993	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4 n 11 th.	2,26	V.07.03.09	DHSP	02/10/2017	x	Anh A2	x	x	
83	Cao Thu Trang			30/09/1983	Giáo viên	TH Hòn Hòa	01/12/2019	01/06/2010	12/04/2017	8 n 9 th.	2,66	V.07.03.09	DHSP	29/08/2014	x	Anh A2	x	x	
84	Trần Đình Dũng			21/06/1985	Giáo viên	TH Tân Triều	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n 1th	2,86	V.07.03.09	DHSP	02/2010	x	Anh A2	x	x	
85	Châu Thị Đức			08/10/1984	Giáo viên	TH Tân Triều	01/01/2011	01/07/2011	12/04/2017	9n 2th	2,66	V.07.03.09	DHSP	7/2012	x	Anh C	x	x	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Chức vụ được đăng công tác	Tên trường	Thời điểm được bổ nhiệm vào chức vụ (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào chức vụ (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào chức vụ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ chức vụ (năm tháng/ ngày)	Mức lương hiện hưởng	Mã số hàng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của từng dự án		Đã tiêu chuẩn ĐK về nghề nghiệp tên học	Chứng chỉ bồi dưỡng CĐNĐ giáo viên III hạng III	Đã tiêu chuẩn, đủ tiêu về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, CĐVC tập huấn tự học)	
		1	2	3										4	5				6
86	Lai Thị	Hà			TH Tân Triều	01/11/2012	01/05/2013	12/04/2017	8n6t	2,46	V.07.03.09	CD	01/2011	x	Anh A2	x	x		
87	Nguyễn Thị	Huyền			TH Tân Triều	01/09/2014	01/03/2015	01/03/2015	5n6t	2,26	V.07.03.09	DH	10/2017	x	Anh A2	x	x		
88	Nguyễn Thị Thanh	Hương			TH Tân Triều	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	13n2t	3,06	V.07.03.09	DH	02/2002	x	DH	x	x		
89	Hoàng Thị	Thu			TH Tân Triều	01/09/2014	01/09/2015	01/09/2015	4n6t	2,26	V.07.03.09	DH	6/2013	x	Anh A2	x	x		
90	Là Thị Hồng	Tuyết			TH Tân Triều	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9n2t	2,66	V.07.03.09	DH	04/2012	Đại học	Anh A2	x	x		
91	Trương Quốc	Đạt		08/05/1987	Tiểu học Thanh Liệt	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	BHCHNTT	12/2012	x	Anh B	x	x		
92	Nguyễn Thị Thu	Hà		05/04/1975	Tiểu học Thanh Liệt	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	DHSP	06/2009	x	Anh B	x	x		
93	Nguyễn Thị Thu	Hà		28/01/1983	Tiểu học Thanh Liệt	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	DHSP	12/2011	x	Anh B	x	x		
94	Chữ Minh	Hồng		08/03/1992	Tiểu học Thanh Liệt	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4 năm 12 tháng	2,26	V.07.03.09	DHSP	10/2017	x	Anh B	x	x		
95	Tiền Thị Ngọc	Bích		31/07/1980	Tiểu học Thanh Liệt	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	CBSP	07/2004	x	Anh B	x	x		
96	Vũ Thị Bích	Hồng		07/09/1980	Tiểu học Thanh Liệt	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	DHSP	11/2011	x	Cử nhân NN	x	x		
97	Phạm Thị	Lan		08/03/1980	Tiểu học Thanh Liệt	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	CBSP	08/2002	x	Anh B	x	x		
98	Phạm Thị Thủy	Anh		08/03/1972	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	DHSP	19/06/2009	x	Anh B	x	x		
99	Đặng Thị Kim	Cúc		18/09/1981	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	DHSP	22/12/2004	x	Anh B	x	x		
100	Tiền Thị Ngọc	Diệp		16/03/1979	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	DHSP	22/12/2004	x	Anh B	x	x		
101	Nguyễn Thị Trĩ	Giảng		17/06/1976	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	2,86	V.07.03.09	DHSP	29/8/2014	x	Anh B	x	x		
102	Lương Thị Thanh	Hằng		23/10/1983	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	DHSP	11/9/2008	x	Anh B	x	x		
103	Phạm Thị Thu Hằng	Hằng		12/07/1983	Tiểu học Đông Mỹ	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12n8th	3,06	V.07.03.09	DHSP	18/3/2009	x	Anh A2	x	x		
104	Nguyễn Thị	Hoa		04/04/1978	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	2,86	V.07.03.09	DHSP	08/8/2008	x	Anh B	x	x		
105	Tiền Thị Minh	Phượng		27/07/1979	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	DHSP	11/9/2008	Đại học	Anh B	x	x		
106	Nguyễn Thị Minh	Thu		20/11/1977	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	DHSP	21/8/2001	x	Philip C	x	x		
107	Tiền Thị	Thủy		12/10/1981	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	DHSP	14/01/2009	x	Anh B	x	x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức vụ/ chức danh (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hợp đồng giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hợp đồng giữ (tính từ ngày/ tháng/ năm)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của bằng dự thi					Đã đào tạo, bồi dưỡng và thành tích công tác (CSTĐCS, CVĐC cấp huyện trở lên)	
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn							Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý							
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
108	Lê Hồng		Trung	02/04/1981		Giáo viên	Tiểu học Đồng Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	BHSP	03/02/2010	x	Ảnh A2	X	Bằng khen của CT UBND TP
109	Trần Thị Xuyên			27/02/1976		Giáo viên	Tiểu học Đồng Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	BHSP	13/12/2002	x	Ảnh B	X	x
110	Nguyễn Thị Bích Hương			11/02/1976		Giáo viên	Tiểu học Đồng Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,46	V.07.03.09	BHSP	03/09/2006	x	Ảnh B1	X	x
111	Trần Thị Tâm			11/10/1982		Giáo viên	Tiểu học Đồng Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	2,86	V.07.03.09	BHSP	19/06/2009	x	Ảnh A2	X	x
112	Nguyễn Hương Quỳnh			19/02/1980		Phó Hiệu trưởng	TH Ngọc Hải	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n5th	3,26	V.07.03.09	Đại học	20/07/2001	x	Ảnh B	X	Bằng khen TP
113	Đinh Thị Bích Hằng			04/09/1980		Giáo viên	TH Ngọc Hải	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n1th	2,86	V.07.03.09	Đại học	23/04/2012	x	Ảnh A2	X	x
114	Phạm Thị Lan Anh			03/08/1980		Giáo viên	TH Ngọc Hải	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	13n1th	3,06	V.07.03.09	Đại học	16/09/2009	x	Ảnh A2	X	x
115	Đào Thị Huyền Ngọc			30/09/1984		Giáo viên	TH Ngọc Hải	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	8n2th	2,66	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	x	Ảnh A2	X	x
116	Đặng Thị Diễm Thúy			03/05/1984		Giáo viên	TH Ngọc Hải	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n4th	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng	11/03/2015	x	Ảnh A2	X	x
117	Hoàng Thị Tuyết Mai			29/10/1979		Giáo viên	TH Ngọc Hải	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	8n2th	2,86	V.07.03.09	Đại học	15/05/2013	x	Ảnh B	X	x
118	Trần Thị Hào			10/07/1979		Giáo viên	TH Ngọc Hải	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	8n2th	2,86	V.07.03.09	Đại học	29/08/2014	x	Ảnh C	X	x
119	Đặng Hải Yến			13/10/1984		Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/05/2011	01/11/2011	30/12/2015	8n04th	2,66	V.07.03.09	DH	08/2012	x	Ảnh C	X	x
120	Nguyễn Thị Quỳnh			03/06/1977		Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n01th	2,86	V.07.03.09	DH	04/2000	x	Ảnh C	X	x
121	Trương Thúy Ngân			04/09/1981		Giáo viên	Tiểu học Tú Hiệp	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	BH SP	06/2009	x	Ảnh C	X	x
122	Nguyễn Thị Hoài An			27/02/1980		Giáo viên	Tiểu học Tú Hiệp	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	BH SP	09/2005	x	Ảnh C	X	x
123	Nguyễn Thị Thanh Mai			03/10/1988		Giáo viên	Tiểu học Tú Hiệp	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9n2th	2,86	V.07.03.09	BH SP	05/2014	x	Ảnh B	X	x
124	Ngô Thị Thanh			27/09/1976		Giáo viên	Tiểu học Tú Hiệp	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n01th	2,86	V.07.03.09	BHSP	02/2011	Đại học	Ảnh B	X	x
125	Nguyễn Thị Ninh			26/12/1986		Giáo viên	Tiểu học Tú Hiệp	01/11/2012	01/05/2013	12/04/2017	6n10th	2,46	V.07.03.09	BH SP	10/2017	x	Ảnh B	X	x
126	Đỗ Thị Trang			20/11/1989		Giáo viên	Tiểu học Tú Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4th	2,46	V.07.03.09	CĐSP	06/2010	x	Ảnh B	X	x
127	Phạm Thị Loan Trang			24/11/1989		Giáo viên	Tiểu học Tú Hiệp	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	7n10th	2,66	V.07.03.09	TSSP	10/2018	x	Ảnh B1	X	x
128	Nguyễn Trung Hiếu			27/07/1992		Giáo viên	Tiểu học Tú Hiệp	01/11/2012	01/03/2013	12/04/2017	6n10th	2,46	V.07.03.09	BHSP	10/2017	x	Ảnh B	X	x
129	Nguyễn Thị Thúy Liên			03/12/1991		Giáo viên	Tiểu học Tú Hiệp	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n6th	2,46	V.07.03.09	BH SP	10/2017	x	Ảnh A2	X	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào vị trí (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hàng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ chức (tính từ năm bổ nhiệm vào vị trí hiện giữ hoặc được)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hàng dự thi						Đã nêu chuẩn, điều kiện và thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐG cấp huyện trở lên)		
		1	2							3	4	5	6	7	8	9	10		11	12
1	Trần Thị Hà	15/06/1981	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Diên	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n3th	2,86	V.07.03.09	DHSP	04/2012	x	Anh B	x					x
130	Lưu Thị Chanh	19/11/1974	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Diên	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	DHSP	4/2012	x	Anh B	x					x
131	Nguyễn Thị Bích Phượng	20/08/1977	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Diên	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	3,06	V.07.03.09	DHSP	4/2012	x	Anh A2	x					Bảng khen TP
132	Nguyễn Thị Thu Hà	14/03/1979	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Diên	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	2,86	V.07.03.09	DHSP	10/2006	x	Anh A	x					x
133	Vũ Tào	20/01/1984	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Diên	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	DHSP	11/2009	x	Anh A2	x					Bảng khen TP
134	Nguyễn Thu Hương	17/05/1980	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Diên	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	DH	10/2003	x	Pháp C	x					x
135	Nguyễn Thúy Hằng	01/10/1977	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Diên	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n3th	3,26	V.07.03.09	DH	08/2001	x	Pháp C	x					x
136	Nguyễn Thị Tuyết Mai	24/12/1980	Giáo viên	TH Phạm Tu	01/06/2006	01/07/2007	14/04/2017	12n8th 6thang	3,06	V.07.03.09	DHSP	6/2009	x	Anh B	x					x
137	Hà Thanh Hương	27/04/1977	Giáo viên	TH Phạm Tu	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	10n8th 3thang	2,86	V.07.03.09	DHSP	12/2004	x	Anh B	x					x
138	Phùng Thị Thanh Mân	01/01/1982	Giáo viên	TH Phạm Tu	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	10n8th 3thang	2,86	V.07.03.09	CD Tin học	9/2004	x	Anh A2	x					x
139	Nguyễn Phương Bắc	10/12/1980	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12N9th	3,06	V.07.03.09	DHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x					x
140	Nguyễn Thị Dung	09/01/1977	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10N4th	3,06	V.07.03.09	DHSP	29/08/2014	x	Anh A2	x					x
141	Lê Thị Huệ	10/10/1978	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N8th	3,06	V.07.03.09	DHSP	23/04/2012	x	Anh A2	x					x
142	Trần Trang Hiếu	12/09/1983	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11N2th	2,86	V.07.03.09	DHSP	22/06/2011	DHSP	Anh A2	x					x
143	Giáp Thị Thu Huyền	21/05/1987	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/01/2011	01/07/2011	12/04/2017	8N9th	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng	10/04/2009	x	Anh A2	x					x
144	Vũ Thị Phụng	20/09/1976	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12N9th	3,06	V.07.03.09	DHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x					x
145	Trần Thị Thanh	30/03/1980	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/08/2008	01/08/2018	12/04/2017	11N8th	3,06	V.07.03.09	DHSP	23/04/2012	x	Anh A2	x					x
146	Hoàng Thị Yên	22/11/1982	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/01/2017	01/07/2017	12/04/2017	12N9th	3,06	V.07.03.09	DHSP	03/11/2009	x	Anh A2	x					x
147	Phạm Thị Lê Minh	04/11/1974	Giáo viên	TH Yên Xá	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	2,86	V.07.03.09	DHSP	10/2011	x	Anh C	x					x
148	Bào Thị Hằng	13/08/1976	Giáo viên	TH Yên Xá	01/11/2012	01/05/2013	12/04/2017	6n10th	2,46	V.07.03.09	DHSP	10/2017	x	Anh C	x					x
149	Nguyễn Thị Ngọc	11/01/1979	Giáo viên	TH Yên Xá	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4th	3,26	V.07.03.09	DHSP	11/2009	x	Anh B	x					x
150	Hoàng Thị Hồng Anh	19/10/1981	Giáo viên	TH Yên Xá	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12n8th	3,06	V.07.03.09	DHSP	11/2009	x	Anh A2	x					x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Chức vụ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức (ngày/tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào chức (ngày/tháng/năm)	Thời gian giữ chức (tính từ ngày bổ nhiệm)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hệ thống					Đã theo đuổi các khóa học nâng cao trình độ (STCS, CVDC, các khóa học khác)	
		1	2	3							4	5	6	7	8	9	10		11
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
152	Nguyễn Thị Hồng Loan				14/03/1977	Giáo viên	TH Yên Xá	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	Đại học	12/2004	x	Ảnh C	x	x
153	Lê Thị Tươi				20/03/1993	Giáo viên	TH Yên Xá	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n0th	2,26	V.07.03.09	Đại học	10/2017	x	Ảnh B	x	x
154	Trần Thị Lan Anh				02/02/1992	Giáo viên	TH Yên Xá	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n0th	2,26	V.07.03.09	Đại học	05/2014	x	Ảnh A2	x	x
155	Phạm Thị Hiền				14/04/1994	Giáo viên	TH Yên Xá	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n0th	2,26	V.07.03.09	Đại học	10/2017	x	Ảnh B	x	x
156	Nguyễn Thị Thanh				02/07/1982	Giáo viên	TH Yên Xá	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	Kỹ sư CNTT	11/2012	x	Ảnh C	x	x
157	Trần Thị Thu				12/05/1990	Giáo viên	TH Yên Xá	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n0th	2,26	V.07.03.09	Đại học	12/2013	x	Ảnh A2	x	x
158	Nguyễn Thị Ngọc Anh				26/11/1991	Giáo viên	TH Ngọc Sĩ Kiên	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	2,66	V.07.03.09	DHSP	26/08/2014	x	Ảnh A2	x	x
159	Nguyễn Thị Hiền				15/04/1984	Giáo viên	TH Ngọc Sĩ Kiên	12/01/2009	31/12/2009	12/04/2017	10n1,5th	3,26	V.07.03.09	DHSP	19/06/2009	x	Ảnh B	x	x
160	Phạm Thị Anh Tâm				31/07/1976	Giáo viên	TH Ngọc Sĩ Kiên	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12n7th	3,06	V.07.03.09	DHSP	23/04/2012	x	Ảnh A2	x	x
161	Vũ Thị Huệ				8/21/1975	Giáo viên	TH Ngọc Sĩ Kiên	8/1/2008	2/1/2009	12/04/2017	10n2th	2,86	V.07.03.09	DHSP	6/19/2009	x	Ảnh A2	x	x
162	Nguyễn Thị Thu Hương				31/25/1993	Giáo viên	TH Ngọc Sĩ Kiên	9/1/2014	3/1/2015	12/04/2017	5n7th	2,26	V.07.03.09	DHSP	10/20/2017	x	Ảnh B	x	x
163	Cao Thúy Quỳnh				11/12/1975	Giáo viên	Dạy Trẻ Khuyết tật	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12n7th	3,06	V.07.03.09	DH	6/2009	x	Ảnh B	x	x
164	Nguyễn Thị Thanh				28/7/1975	Giáo viên	Dạy Trẻ Khuyết tật	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12n7th	3,06	V.07.03.09	DH	9/2005	x	Ảnh B	x	x
165	Trần Thị Kim Thu				1/9/1974	Giáo viên	Dạy Trẻ Khuyết tật	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12n7th	3,06	V.07.03.09	DH	6/2009	x	Ảnh B	x	x
166	Nguyễn Thị Hồng Khuyên				25/6/1972	Giáo viên	Dạy Trẻ Khuyết tật	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12n7th	3,06	V.07.03.09	DH	6/2009	x	Ảnh B	x	x

Danh sách này gồm có: 166 người.

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN THANH TRÍ CỎ ĐÚ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẠM NON TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức thức và viên chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (tổng năm số tháng, kể từ thời gian giữ ngạch hoặc hạng (trong đương)	Mức lương		Trình độ chuyên môn	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi		Đã tiêu chuẩn, ĐKK về trình độ học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CBNN giáo viên MN hạng III	Đã lên chuẩn, điều khiển và thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐG cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ							Bậc lương	Hiện giữ		Thời điểm được cấp bằng (tháng/ năm)	Đã tiêu chuẩn, ĐKK về trình độ học				
1	Trần Mai	Phượng		02/11/1983	Hiệu trưởng	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11 năm 6 tháng	3,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	8/2008	x	Bậc 3	x		Bảng khen của UBND TP
2	Hoàng Thị	Thanh		25/7/1971	Phó Hiệu trưởng	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8 năm 3 tháng	3,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	11/2009	x	Anh A2	x		Bảng khen của UBND TP
3	Nguyễn Thị Thu	Hằng		17/7/1984	Phó Hiệu trưởng	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8 năm 3 tháng	3,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	11/2009	x	Anh A2	x		x
4	Vũ Thị Mai	Anh		28/11/1982	Giáo viên	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8 năm 3 tháng	3,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	11/2009	x	Anh A2	x		x
5	Nguyễn Thị	Hạnh		12/10/1990	Giáo viên	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8 năm 3 tháng	2,66	V.07.02.06	Đại học sư phạm	4/2015	x	Anh A2	x		x
6	Hoàng Thị Thu	Hà		13/4/1987	Giáo viên	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8 năm 3 tháng	3,06	V.07.02.06	Đại học sư phạm	5/2012	x	Anh A2	x		x
7	Phùng Thị	Thu		25/3/1979	Giáo viên	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8 năm 3 tháng	3,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	01/2019	x	Anh A2	x		x
8	Đỗ Minh	Thu		01/12/1981	Giáo viên	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8 năm 3 tháng	3,06	V.07.02.06	Đại học sư phạm	8/2008	x	Anh A2	x		x
9	Trần Thị	Hạnh		01/9/1985	Giáo viên	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8 năm 3 tháng	3,06	V.07.02.06	Đại học sư phạm	3/2011	x	Anh A2	x		x
10	Trần Như	Khoa		22/2/1990	Giáo viên	01/11/2011	01/5/2012	12/4/2017	8 năm 3 tháng	2,66	V.07.02.06	Đại học sư phạm	4/2015	x	Anh A2	x		x
11	Kiều Thị Thu	Huyền		11/9/1980	Giáo viên	01/11/2011	01/9/2012	12/4/2017	8 năm 3 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	8/2016	x	Anh A2	x		x
12	Trần Thị Thái	Hà		16/9/1985	Giáo viên	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8 năm 3 tháng	3,06	V.07.02.06	Đại học sư phạm	6/2011	x	Anh A2	x		x
13	Nguyễn Thị	Hào		27/12/1986	Giáo viên	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7 năm 3 tháng	2,86	V.07.02.06	Đại học sư phạm	4/2015	x	Anh A2	x		x
14	Nguyễn Thị	Thường		08/6/1988	Giáo viên	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7 năm 3 tháng	2,86	V.07.02.06	Đại học sư phạm	12/2012	x	Anh A2	x		x
15	Đặng Thị Thu	Huế		21/11/1987	Giáo viên	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7 năm 3 tháng	2,86	V.07.02.06	Đại học sư phạm	4/2015	x	Anh B	x		x
16	Vũ Thị	Luyến		24/3/1983	Giáo viên	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7 năm 3 tháng	2,86	V.07.02.06	Đại học sư phạm	7/2013	x	Anh A2	x		x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức thực vào viên giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (tổ năm hàng, kể từ thời gian giữ ngạch hoặc hạng lương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					
		Nam	Nữ							Hệ số bảng lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp biệt giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/năm)	Bù đắp chức, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý vận hành CNTT	Bù đắp chuẩn, tiêu chí khác (nếu có)
17	Phạm Thị Bích	Nga		Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/1/2012	01/11/2012	12/4/2017	7 năm 3 tháng	3,06	V.07.02.06	Đại học sư phạm	5/2012	x	Anh A2	x	x
18	Nguyễn Thị Ngọc			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/1/2013	01/5/2014	12/4/2017	6 năm 3 tháng	2,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	10/2017	x	Anh A2	x	x
19	Nguyễn Thị Nhung			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	31/10/2013	01/1/2013	12/4/2017	6 năm 3 tháng	2,66	V.07.02.06	Đại học sư phạm	4/2015	x	Anh A2	x	x
20	Nguyễn Thị Thu Linh			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/1/2013	01/5/2014	12/4/2017	6 năm 3 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	7/2017	x	Anh A2	x	Bằng kiến thức UBND TP
21	Vũ Thị Thủy			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/1/2013	01/5/2014	12/4/2017	6 năm 3 tháng	2,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	7/2017	x	Anh A2	x	x
22	Nguyễn Thị Nga			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/1/2013	01/5/2014	12/4/2017	6 năm 3 tháng	2,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	10/2017	x	Anh A2	x	x
23	Phạm Thị Thanh Nhàn			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/1/2013	01/5/2014	12/4/2017	6 năm 3 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	8/2016	x	Anh A2	x	x
24	Nguyễn Thùy Linh			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/1/2013	01/5/2014	12/4/2017	6 năm 3 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	1/2016	x	Anh A2	x	x
25	Trần Ngọc Thúy			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/1/2013	01/5/2014	12/4/2017	6 năm 3 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	01/2019	x	Anh A2	x	x
26	Hoàng Thị Ngọc Thanh			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	31/10/2013	01/1/2013	12/4/2017	6 năm 3 tháng	2,66	V.07.02.06	Đại học sư phạm	4/2015	x	Anh A2	x	x
27	Nguyễn Thị Lan Anh			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	4/2015	x	Anh B	x	x
28	Hoàng Thu Huyền			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	01/2016	x	Anh A2	x	x
29	Nguyễn Thị Hương			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	01/2016	x	Anh A2	x	x
30	Nguyễn Thị Xà			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,66	V.07.02.06	Đại học sư phạm	01/2016	x	Anh A2	x	x
31	Nguyễn Thị Hòa			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	01/2016	x	Anh A2	x	x
32	Hoàng Thị Ninh			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	4/2015	x	Anh A2	x	x
33	Phạm Thu Hoài			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	1/2017	x	Anh A2	x	x
34	Hoàng Thị Cẩm Giang			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.02.06	Cao đẳng sư phạm	6/2012	x	Anh A2	x	x
35	Phạm Thị Hiền			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	6/2018	x	Anh A2	x	x
36	Nguyễn Thị Hà			Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,46	V.07.02.06	Đại học sư phạm	4/2015	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh cấp bậc	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào các ngạch/ chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (tổng năm số tháng, kể từ thời gian giữ ngạch/ hoặc hạng tương đương)	Mức lương		Vấn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự chỉ	Đã lên chuẩn, điều hạng về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)		
		Nam	Nữ							Hạng lương	Mức hưởng				
37	Phạm Thị Luyến		20/8/1988	Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	X	Ảnh A2	X
38	Nguyễn Thị Diệu Linh		10/9/1992	Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	X	Ảnh A2	X
39	Đặng Thanh Nga		24/5/1977	Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	X	Ảnh A2	X
40	Nguyễn Thị Kế		13/9/1993	Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.02.06	Đại học sư phạm	X	Ảnh A2	X
41	Hoàng Hồng Văn		13/6/1990	Giáo viên	MN B xã Liên Ninh	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	3 năm 1 tháng	2,66	V.07.02.06	Đại học sư phạm	X	A1	X
42	An Thị Bích Đào		14/02/1982	Hiệu trưởng	MN xã Vinh Quỳnh	1/1/2007	7/1/2007	12/4/2017	12 năm 8 tháng	3,06	V.07.02.06	BHSP	X	Ảnh B1	X
43	Nguyễn Thị Thu Nguyệt		26/10/1976	Phó Hiệu trưởng	MN xã Vinh Quỳnh	1/8/2011	1/8/2011	12/4/2017	8 năm 7 tháng	3,86	V.07.02.06	BHSP	X	Ảnh A2	X
44	Nguyễn Thị Bích Diệp		31/1/1982	Phó Hiệu trưởng	MN xã Vinh Quỳnh	1/1/2011	1/1/2011	12/4/2017	8 năm 4 tháng	3,46	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
45	Nguyễn Minh Chuyên		05/02/1983	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	1/1/2012	1/1/2012	12/4/2017	7 năm 4 tháng	3,26	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
46	Đỗ Thị Thào		13/07/1988	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6 năm 4 tháng	2,86	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
47	Nguyễn Thị Hà		26/03/1990	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5 năm 6 tháng	2,46	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
48	Lê Thị Hoài		03/02/1992	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	1/9/2014	1/3/2015	12/4/2017	5 năm 4 tháng	2,26	V.07.02.06	CĐSPMN	X	Ảnh A2	X
49	Nguyễn Thị Thoa		29/08/1984	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6 năm 4 tháng	2,66	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
50	Nguyễn Thị Thu Phong		28/07/1988	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6 năm 4 tháng	2,86	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
51	Dương Thị Thơm		12/11/1986	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6 năm 4 tháng	2,86	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
52	Nguyễn Thị Kim Ngân		12/02/1991	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	1/9/2014	1/9/2014	12/4/2017	5 năm 6 tháng	2,46	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
53	Nguyễn Thị Liên		13/05/1992	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	1/11/2013	1/5/2014	12/4/2017	5 năm 10 tháng	2,26	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
54	Nguyễn T. Thanh Minh		04/01/1990	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	1/11/2013	1/11/2013	12/4/2017	6 năm 4 tháng	2,46	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
55	Phạm Thị Nhíp		27/07/1990	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	1/9/2014	1/9/2014	12/4/2017	5 năm 6 tháng	2,46	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X
56	Nguyễn Thị Loan		02/07/1981	Giáo viên	MN xã Vinh Quỳnh	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8 năm 4 tháng	3,46	V.07.02.06	DHSPMN	X	Ảnh A2	X

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ cấp đánh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm nhận định học vào vị trí cấp (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm nhận vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (tính từ ngày nhận vào hạng/ lương đương)	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ					Đã tiến hành, cấp liệu về thành tích lương quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)	
		Nam	Nữ							Hiện hưởng	Hiện hưởng	Thời điểm được cấp bằng chứng chức (ngày/ tháng/năm)	Đã tiến hành thi ĐK và trình độ trình độ	Trình độ chuyên môn	Trình độ chuyên môn	Trình độ chuyên môn		
57	Nguyễn T Hoài	Thư		01/8/1990	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	1/9/2014	01/09/2014	12/4/2017	5 năm 6 tháng	2.66	V.07.02.06	DHSPMN	10/2014	x	Ảnh A2	x	x
58	Bồ Thị	Ngà		03/04/1993	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	1/9/2014	1/3/2015	12/4/2017	5 năm	2.26	V.07.02.06	DHSPMN	14/9/2017	x	Ảnh A2	x	x
59	Nguyễn Thị	Hương		13/10/1992	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5 năm	2.26	V.07.02.06	DHSPMN	20/10/2017	x	Ảnh A2	x	x
60	Nguyễn Thị	Nhị		26/07/1990	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	1/9/2014	1/9/2014	12/4/2017	5 năm 6 tháng	2.46	V.07.02.06	DHSPMN	29/01/2016	x	Ảnh A2	x	x
61	Đàn Thị	Phượng		30/06/1993	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	1/11/2013	1/05/2014	12/4/2017	5 năm 10 tháng	2.26	V.07.02.06	DHSPMN	20/10/2017	x	Ảnh A2	x	x
62	Nguyễn Thị	Phượng		26/12/1988	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6 năm 4 tháng	2.86	V.07.02.06	DHSPMN	28/12/2012	x	Ảnh A2	x	x
63	Bồ Thị	Hành		12/12/1976	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	1/11/2011	1/11/2011	12/4/2017	8 năm 4 tháng	3.86	V.07.02.06	DHSPMN	09/01/2009	x	Ảnh A2	x	x
64	Vũ Thị	Tuyết		5/12/1989	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	1/9/2014	1/9/2014	12/4/2017	5 năm 6 tháng	2.66	V.07.02.06	DHSPMN	10/10/2014	x	Ảnh A2	x	x
65	Đinh Thị Thu	Hương		12/01/1991	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	1/11/2013	1/11/2013	12/4/2017	6 năm 4 tháng	2.66	V.07.02.06	DHSPMN	9/14/2017	x	Ảnh A2	x	x
66	Nguyễn Thị	Giảng		20/5/1989	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	1/11/2013	5/1/2014	4/12/2017	5 năm 10 tháng	2.26	V.07.02.06	DHSPMN	1/2016	x	Ảnh A2	x	x
67	Trần Thị	Hải		11/10/1975	Hiệu trưởng	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11 năm 7 tháng	3.46	V.07.02.06	DHSP	8/2008	x	Ảnh B1	x	x
68	Trương Thị Ngọc	Chánh		10/03/1987	Phó Hiệu trưởng	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	07 năm 4 tháng	3.06	V.07.02.06	DHSP	3/2011	x	Ảnh B1	x	x
69	Nguyễn Thị	Lan		20/5/1985	Phó Hiệu trưởng	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	07 năm 4 tháng	3.06	V.07.02.06	DHSP	5/2012	x	Ảnh B1	x	x
70	Nguyễn Thị	Thủy		03/02/1971	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	07 năm 4 tháng	3.46	V.07.02.06	DHSP	11/2009	x	Ảnh A2	x	x
71	Ngô Thị	Thu		25/11/1979	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	08 năm 04 tháng	3.46	V.07.02.06	DHSP	8/2008	x	Ảnh A2	x	x
72	Nguyễn Thị	Hoa		19/7/1982	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	08 năm 4 tháng	3.06	V.07.02.06	DHSP	10/2013	x	Ảnh A2	x	x
73	Nguyễn Thị Hồng	Khanh		01/5/1985	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	07 năm 4 tháng	2.66	V.07.02.06	DHSP	3/2014	x	Ảnh A2	x	x
74	Dương Thị Hồng	Thanh		15/3/1984	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7 năm 4 tháng	2.86	V.07.02.06	DHSP	3/2014	x	Ảnh A2	x	x
75	Nguyễn Thị	Ngà		09/11/1979	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7 năm 4 tháng	3.26	V.07.02.06	DHSP	10/2013	x	Ảnh A2	x	x
76	Nguyễn Thị	Thom		24/10/1987	Giáo viên	MN xã Vĩnh Quỳnh	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7 năm 4 tháng	3.06	V.07.02.06	DHSP	7/2013	x	Ảnh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh đang tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm nhận chính thức vào văn chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm nhận vào chức danh bậc đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ chức (số năm số tháng, số ngày)	Mức lương		Trình độ chuyên môn	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi			Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, CTVĐG cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ							Bậc lương	Hiện hưởng		Thời điểm được cấp bằng chứng chức vụ chuyên môn (tháng/năm)	Bà tiến đặc biệt trình độ tên học	Trình độ CDN/giáo viên MN hạng III	
77	Nguyễn Thị Hoài Thu			Giáo viên	MN Tả Thanh Cải A	01/1/2011	01/03/2012	12/4/2017	07 năm 10 tháng	2.66	V.07.02.06	DHSP	3/2015	x	Anh A2	x
78	Nguyễn Thị Tinh			Giáo viên	MN Tả Thanh Cải A	01/1/2012	01/11/2012	12/4/2017	7 năm 4 tháng	2.66	V.07.02.06	DHSP	7/2014	x	Anh A2	x
79	Đặng Thị Tân			Giáo viên	MN Tả Thanh Cải A	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	03 năm 6 tháng	2.46	V.07.02.06	DHSP	6/2016	x	Anh A2	x
80	Khuyết Thị Thảo			Giáo viên	MN Tả Thanh Cải A	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	03 năm 6 tháng	2.46	V.07.02.06	DHSP	01/2016	x	Anh A2	x
81	Nguyễn Thị Thu			Giáo viên	MN Tả Thanh Cải A	01/1/2013	01/11/2013	12/4/2017	06 năm 4 tháng	2.66	V.07.02.06	DHSP	01/2016	x	Anh A2	x
82	Nguyễn Trà Giang			Giáo viên	MN Tả Thanh Cải A	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	05 năm 6 tháng	2.66	V.07.02.06	DHSP	01/2016	x	Anh A2	x
83	Nguyễn Thị Kim Dung			Giáo viên	MN Tả Thanh Cải A	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	05 năm 6 tháng	2.46	V.07.02.06	DHSP	8/2016	x	Anh A2	x
84	Phạm Thị Thu Hiền			Hiệu trưởng	MN A xã Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11 năm 5 tháng	3.46	V.07.02.06	Dại học	08/08/2008	x	Anh B1	x
85	Lê Thị Thu Hiền			Phó hiệu trưởng	MN A xã Đông Mỹ	01/1/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 2 tháng	3.46	V.07.02.06	Dại học	08/07/2009	x	Anh A2	x
86	Nguyễn Thị Hương			Phó hiệu trưởng	MN A xã Đông Mỹ	01/1/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 2 tháng	3.06	V.07.02.06	Dại học	21/03/2011	x	Anh B	x
87	Nguyễn Thị Xuyến			TTCM - Giáo viên	MN A xã Đông Mỹ	01/1/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 2 tháng	3.46	V.07.02.06	Dại học	24/4/2012	x	Anh A2	x
88	Nguyễn Thị Thu Trang			TTCM - Giáo viên	MN A xã Đông Mỹ	01/1/2013	01/05/2014	12/04/2017	5 năm 8 tháng	2.46	V.07.02.06	Dại học	29/01/2016	x	Anh A2	x
89	Nguyễn Thị Thu Hà			Tổ phó CM - Giáo viên	MN A xã Đông Mỹ	01/1/2013	01/03/2014	12/04/2017	5 năm 8 tháng	2.46	V.07.02.06	Cao đẳng	10/3/2013	x	Anh A2	x
90	Phạm Thị Thom			Giáo viên	MN A xã Đông Mỹ	01/1/2013	01/05/2014	12/04/2017	5 năm 8 tháng	2.46	V.07.02.06	Dại học	20/01/2017	x	Anh A2	x
91	Nguyễn Thị Thủy Linh			Giáo viên	MN A xã Đông Mỹ	01/1/2012	01/11/2012	12/04/2017	7 năm 2 tháng	2.66	V.07.02.06	Dại học	06/01/2017	x	Anh A2	x
92	Hà Thị Thanh Tú			Giáo viên	MN A xã Đông Mỹ	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5 năm 4 tháng	2.46	V.07.02.06	Dại học	06/1/2017	x	Anh A2	x
93	Nguyễn Hồng Nhưong			Giáo viên	MN A xã Đông Mỹ	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5 năm 4 tháng	2.46	V.07.02.06	Dại học	29/01/2016	x	Anh A2	x
94	Lê Thị Thu Thủy			Giáo viên	MN A xã Đông Mỹ	01/1/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 2 tháng	3.26	V.07.02.06	Dại học	05/03/2000	x	Anh A2	x
95	Vũ Thị Hạnh			Giáo viên	MN A xã Đông Mỹ	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7 năm 2 tháng	2.86	V.07.02.06	Dại học	28/12/2012	x	Anh A2	x
96	Phạm Thị Hoài			Giáo viên	MN A xã Đông Mỹ	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4 năm 10 tháng	2.26	V.07.02.06	Dại học	15/06/2018	x	Anh A2	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức cấp (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào bậc (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ bậc (số năm mã tháng, mã cấp tính gần gũi (ngày/ tháng/năm) lương (đồng))	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã cấp chứng chỉ bậc và thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ							Mức lương	Mức lương						
97	Nguyễn Thị Thu			Hiệu trưởng	MN B xã Đông Mỹ	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12n8th	3,06	V.07.02.06	Dại học	15/12/2010	x	Ảnh B1	x	x
98	Nguyễn Thị			Phó hiệu trưởng	MN B xã Đông Mỹ	01/1/2011	01/1/2011	12/04/2017	8n4th	3,66	V.07.02.06	Dại học	05/11/209	x	Ảnh A2	x	x
99	Đoàn Thị Thu			Giáo viên	MN B xã Đông Mỹ	01/1/2011	01/05/2012	12/04/2017	7n10th	2,66	V.07.02.06	Dại học	08/04/2015	x	Ảnh A2	x	x
100	Nguyễn Thị			Giáo viên	MN B xã Đông Mỹ	01/1/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4th	3,06	V.07.02.06	Dại học	05/11/2009	x	Ảnh A2	x	x
101	Trương Thị Tô			Giáo viên	MN B xã Đông Mỹ	01/1/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4th	2,86	V.07.02.06	Dại học	15/07/2013	x	Ảnh A2	x	x
102	Nguyễn Thị			Giáo viên	MN B xã Đông Mỹ	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n4th	2,66	V.07.02.06	Dại học	29/01/2016	x	Ảnh A2	x	x
103	Nguyễn Ngọc			Giáo viên	MN B xã Đông Mỹ	01/1/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4th	2,46	V.07.02.06	Dại học	29/01/2016	x	Ảnh A2	x	x
104	Phùng Thị Thu			Giáo viên	MN B xã Đông Mỹ	01/1/2012	01/05/2013	12/04/2017	6n10th	2,46	V.07.02.06	Cao đẳng	22/06/2012	x	Ảnh A2	x	x
105	Dương Thị			Phó Hiệu trưởng	MN A thị trấn Văn Điển	01/1/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4T	3,06	V.07.02.06	Dại học	10/10/2014	x	Ảnh A2	x	x
106	Phùng Ngọc			Giáo viên	MN A thị trấn Văn Điển	01/1/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4T	2,86	V.07.02.06	Dại học	10/10/2014	x	Ảnh A2	x	x
107	Hoàng Thị			Giáo viên	MN A thị trấn Văn Điển	29/09/2014	29/09/2014	12/04/2017	5N5T	2,46	V.07.02.06	Dại học	29/01/2016	x	Ảnh A2	x	x
108	Nguyễn Thanh			Giáo viên	MN A thị trấn Văn Điển	01/1/2011	01/05/2012	12/04/2017	7N10T	2,66	V.07.02.06	Dại học	14/09/2017	x	Ảnh A2	x	x
109	Đàn Thị Thanh			Giáo viên	MN A thị trấn Văn Điển	01/1/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N4T	2,66	V.07.02.06	Dại học	15/07/2013	x	Ảnh A2	x	x
110	Trần Thị Thu			Hiệu trưởng	MN B thị trấn Văn Điển	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3,26	V.07.02.06	DHSP	30/7/2008	x	Ảnh A2	x	x
111	Nguyễn Thị Mai			Phó Hiệu trưởng	MN B thị trấn Văn Điển	01/1/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,46	V.07.02.06	DHSP	8/8/2008	x	Ảnh A2	x	x
112	Nguyễn Thu			Phó Hiệu trưởng	MN B thị trấn Văn Điển	01/1/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,06	V.07.02.06	DHSP	21/12/2015	x	Ảnh A2	x	x
113	Thái Thị Thanh			Giáo viên	MN B thị trấn Văn Điển	01/1/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	2,86	V.07.02.06	DHSP	24/4/2012	x	Ảnh A2	x	x
114	Trần Thị Hồng			Giáo viên	MN B thị trấn Văn Điển	01/1/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,06	V.07.02.06	DHSP	15/7/2013	x	Ảnh A2	x	x
115	Bùi Thị			Giáo viên	MN B thị trấn Văn Điển	01/1/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,06	V.07.02.06	CĐSP	02/6/2004	x	Ảnh A2	x	x
116	Nguyễn Thị			Giáo viên	MN B thị trấn Văn Điển	01/1/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,26	V.07.02.06	DHSP	15/7/2013	x	Ảnh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức thức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (tổng số tháng, kể từ thời gian giữ ngạch hoặc hạng trước đó)	Mức lương		Trình độ chuyên môn	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi			Đã tiêu chuẩn, điểm khi thi và thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)	
		Nam	Nữ							Hiện hưởng	Mức lương hiện giữ		Đã tiêu chuẩn, ĐK và trình độ nguyên ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng GDNN giáo viên NN hạng III			
157	Khắc Thị Thu	Trang		Hiệu trưởng	MN A xã Liên Ninh	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N5th	3,46	V.07.02.06	DHSP GDNN	08/08/2008	x	Anh A2	x	x
158	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		Phó Hiệu trưởng	MN A xã Liên Ninh	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12N6th	3,06	V.07.02.06	DHSP GDNN	11/2009	x	Anh A2	x	x
159	Nguyễn Thị Soan			Phó Hiệu trưởng	MN A xã Liên Ninh	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N 2th	3,46	V.07.02.06	DHSP GDNN	08/08/2008	x	Anh A2	x	x
160	Nguyễn Thị Thanh	Mạnh		GV-TTGM	MN A xã Liên Ninh	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	07N 2th	2,86	V.07.02.06	DHSP GDNN	15/02/2010	x	Anh A2	x	x
161	Trương Thị Hương			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	06N 2th	2,46	V.07.02.06	DHSP GDNN	14/09/2017	x	Anh A2	x	x
162	Trần Thị Lương			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	07N 2th	2,86	V.07.02.06	DHSP GDNN	10/10/2014	x	Anh A2	x	x
163	Hoàng Thị Thu Huyền			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	07N 2th	2,86	V.07.02.06	DHSP GDNN	28/12/2012	x	Anh A2	x	x
164	Trần Thị Ngân			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2013	01/11/2013	10/10/2014	06N 2th	2,66	V.07.02.06	DHSP GDNN	10/10/2014	x	Anh A3	x	x
165	Nguyễn Thu Hà			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	06N 2th	2,86	V.07.02.06	DHSP GDNN	29/7/2014	x	Anh A2	x	x
166	Lê Thị Lan	Canh		Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N 2th	3,46	V.07.02.07	DHSP GDNN	22/6/2011	x	Anh A2	x	x
167	Vũ Thị Hiền			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	06N 2th	2,66	V.07.02.06	DHSP GDNN	08/04/2015	x	Anh A2	x	x
168	Nguyễn Thanh Minh			GV-TTGM	MN A xã Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/04/2017	11N5th	2,86	V.07.02.06	DHSP GDNN	6/2007	x	Anh A2	x	x
169	HÀ Thị Thu	Tình		GV-TTGM	MN A xã Liên Ninh	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N2th	3,46	V.07.02.06	DHSP GDNN	6/2011	x	Anh A2	x	x
170	Nguyễn Thị Phương			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	06N 2th	2,46	V.07.02.06	DHSP GDNN	9/2017	x	Anh A2	x	x
171	Nguyễn Thị Hải Yến			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N2th	2,86	V.07.02.06	DHSP GDNN	7/2007	x	Anh A2	x	x
172	Nguyễn Thị Lan			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5N4th	2,26	V.07.02.06	DHSP GDNN	6/2018	x	Anh A2	x	x
173	Bồ Thị Loan			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	06N 2th	2,66	V.07.02.06	DHSP GDNN	4/2015	x	Anh A2	x	x
174	Nguyễn Thị Phương	Hoa		Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	06N 2th	2,66	V.07.02.06	DHSP GDNN	01/2016	x	Anh A2	x	x
175	Trần Thị Thái	Thanh		Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	07N 2th	3,26	V.07.02.06	DHSP GDNN	3/2011	x	Anh A2	x	x
176	Hoàng Thị Năm			Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/04/2017	5N4th	2,66	V.07.02.06	DHSP GDNN	4/2015	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào vị trí chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đúng giao (ngày/ tháng/năm)	Mức lương		Trình độ chuyên môn	Vào bằng, chứng chỉ			Đã tiêu chuẩn, giữa Mức và thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)		
		Nam	Nữ						Hiện hưởng	Mã số hạng chức danh quốc gia hiện giữ		Thời điểm được cấp bằng chứng chỉ (ngày/ tháng/năm)	Đã tiêu chuẩn, ĐKK và trình độ đã học	Chứng chỉ ĐKK và trình độ đã học		Chứng chỉ bồi dưỡng GVN giáo viên MN hạng III	
177	Nguyễn Thị Thùy	Thùy	28/11/1981	Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N2th	3,26	V.07.02.06	DHSP GDMN	11/2009	x	Anh A2	x	x
178	Trần Như Quỳnh	Quỳnh	10/3/1990	Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/9/2014	01/9/2014	12/04/2017	5N4th	2,46	V.07.02.06	DHSP GDMN	01/2016	x	Anh A2	x	x
179	Hoàng Thị Minh Thu	Thu	17/9/1990	Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6N2th	2,66	V.07.02.06	DHSP GDMN	4/2015	x	Anh A2	x	x
180	Nguyễn Thị Thùy	Thùy	29/4/1978	Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5N4th	2,66	V.07.02.06	DHSP GDMN	14/09/2017	x	Anh A2	x	x
181	Trần Thị Thanh Thủy	Thủy	24/9/1988	Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5N4th	2,66	V.07.02.06	CĐSP GDMN	12/2010	x	Anh A2	x	x
182	Hoàng Hồng Huệ	Huệ	21/9/1992	Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2013	01/5/2014	12/04/2017	5N8th	2,46	V.07.02.06	DHSP GDMN	06/01/2017	x	Anh A2	x	x
183	Hoàng Thị Huyền	Huyền	09/12/1987	Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2013	01/5/2014	12/04/2017	5N8th	2,46	V.07.02.06	DHSP GDMN	14/11/2017	x	Anh A2	x	x
184	Nguyễn Thị Thu Huyền	Huyền	22/12/1978	GV-TCM	MN A xã Liên Ninh	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N2th	3,26	V.07.02.06	DHSP GDMN	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
185	Hoàng Thị Minh Thanh	Thanh	10/02/1971	Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N2th	3,26	V.07.02.06	DHSP GDMN	05/11/2009	x	Anh A3	x	x
186	Nguyễn Thị Trang	Trang	18/8/1987	Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7N2th	2,86	V.07.02.07	DHSP GDMN	29/07/2014	x	Anh A2	x	x
187	Nguyễn Thị Hiông	Trà	15/11/1984	Giáo viên	MN A xã Liên Ninh	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	6N10th	2,26	V.07.02.06	DHSP GDMN	15/06/2018	x	Anh A2	x	x
188	Nguyễn Thị Thu Hà	Hà	22/6/1977	Hiệu trưởng	MN B xã Ngọc Hồi	01/8/2008	01/8/2008	12/04/2017	11N7T	3,46	V.07.02.06	DHSP GDMN	11/2009	x	Anh B1	x	x
189	Nguyễn Thị Tuyết	Tuyết	07/11/1977	Phó hiệu trưởng	MN B xã Ngọc Hồi	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N4T	3,46	V.07.02.06	DHSP GDMN	11/2009	x	Anh A2	x	x
190	Hoàng Thị Khanh	Ly	18/01/1983	Phó hiệu trưởng	MN B xã Ngọc Hồi	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N4T	3,26	V.07.02.06	DHSP GDMN	3/2011	x	Anh B	x	x
191	Nguyễn Thị Sỏi	Sỏi	14/12/1984	Giáo viên	MN B xã Ngọc Hồi	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7N4T	3,06	V.07.02.06	DHSP GDMN	12/2012	x	Anh A2	x	x
192	Khúc Thị Bích Ngọc	Ngọc	02/9/1984	Giáo viên	MN B xã Ngọc Hồi	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6N4T	2,66	V.07.02.06	DHSP GDMN	01/2016	x	Anh A2	x	x
193	Đương Thị Quyên	Quyên	28/5/1985	Giáo viên	MN B xã Ngọc Hồi	01/11/2013	01/5/2014	12/04/2017	5N10T	2,46	V.07.02.06	DHSP GDMN	01/2017	x	Anh B	x	x
194	Đương Thị Thanh	Thủy	19/11/1983	Giáo viên	MN B xã Ngọc Hồi	01/11/2013	01/5/2014	12/04/2017	5N10T	2,46	V.07.02.06	DHSP GDMN	01/2017	x	Anh B	x	x
195	Phạm Thị Anh Ngọc	Ngọc	06/01/1992	Giáo viên	MN B xã Ngọc Hồi	01/9/2014	01/9/2014	12/04/2017	5N6T	2,46	V.07.02.06	DHSP GDMN	01/2016	x	Anh B	x	x
196	Hoàng Hải Vân	Vân	27/10/1991	Giáo viên	MN B xã Ngọc Hồi	01/9/2014	01/9/2014	12/04/2017	5N6T	2,46	V.07.02.06	DHSP GDMN	01/2017	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào văn chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (số năm đầy đủ, kể từ thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ				Đã tiêu chuẩn, giải thưởng và thành tích trong quá trình công tác (CSTPGS, GVĐC cấp huyện trở lên)		
		Nam	Nữ							Hiện hành	Mã số hạng các danh ngạch nghiệp kỹ thuật	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chứng chuyên môn (ngày/ tháng/năm)	Đã tiêu chuyên BKC và trình độ địa học	Trình độ ngoại ngữ		Chứng chỉ bồi dưỡng CĐNTP giáo viên MN hạng III	
197	Nguyễn Thị Hoa			Giáo viên	MN B xã Ngọc Hới	01/9/2014	01/9/2014	12/04/2017	05N6T	2,46	V.07.02.06		Đại học	01/2017	x	Anh B	x	x
198	Nguyễn Thị Trang			Giáo viên	MN B xã Ngọc Hới	01/9/2014	01/9/2014	12/04/2017	05N6T	2,46	V.07.02.06		Đại học	01/2017	x	Anh A2	x	x
199	Lê Thị Mai			Giáo viên	MN B xã Ngọc Hới	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	06N4T	2,66	V.07.02.06		Đại học	01/2016	x	Anh B	x	x
200	Trần Kim Phương			Giáo viên	MN B xã Ngọc Hới	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N4T	3,86	V.07.02.06		Đại học	12/2012	x	Anh A2	x	x
201	Nguyễn Thị Hoà			Giáo viên	MN B xã Ngọc Hới	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N4T	3,46	V.07.02.06		Đại học	11/2009	x	Anh A2	x	x
202	Nguyễn Thị Thu			Giáo viên	MN B xã Ngọc Hới	01/9/2014	01/9/2014	12/04/2017	05N6T	2,46	V.07.02.06		Đại học	01/2016	x	Anh B	x	x
203	Hoàng Thị Vân			Giáo viên	MN B xã Ngọc Hới	01/9/2014	01/9/2014	12/04/2017	05N6T	2,66	V.07.02.06		Đại học	01/2016	x	Anh B	x	x
204	Phạm Thu Hương			Hiệu trưởng	MN A xã Thanh Liệt	01/01/2007	01/7/2007	12/4/2017	12a8th	3,06	V.07.02.06		DH	15/7/2009	x	Anh B1	x	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
205	Nguyễn Thị Hoàn			Phó HT	MN A xã Thanh Liệt	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,26	V.07.02.06		DH	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
206	Phạm Thị Thủy Linh			Phó HT	MN A xã Thanh Liệt	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3,06	V.07.02.06		DH	15/7/2013	x	Anh A2	x	x
207	Đặng Thị Thanh Liên			Hiệu trưởng	MN B xã Thanh Liệt	01/01/2007	01/7/2007	12/4/2017	12n8T	3,06	V.07.02.06		DH	15/7/2009	x	Anh B1	x	Bằng khen của UBND TP
208	Nguyễn Thị Đông			Phó Hiệu trưởng	MN B xã Thanh Liệt	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8N4T	3,26	V.07.02.06		DH	19/2/2007	x	Anh B1	x	Bằng khen của UBND TP
209	Hoàng Thị Thanh Hà			Phó Hiệu trưởng	MN B xã Thanh Liệt	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11N7T	3,06	V.07.02.06		DH	29/05/2012	x	Anh A2	x	Bằng khen của UBND TP
210	Nguyễn Thị Hiền			Giáo viên	MN B xã Thanh Liệt	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5N6T	2,66	V.07.02.06		DH	26/03/2015	x	Anh A2	x	x
211	Lê Thị Hòa			Giáo viên	MN B xã Thanh Liệt	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5N6T	2,46	V.07.02.06		DH	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
212	Đỗ Thị Kim Phượng			Giáo viên	MN B xã Thanh Liệt	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5N6T	2,46	V.07.02.06		DH	20/10/2017	x	Anh A2	x	Giấy khen UBND huyện
213	Đỗ Thị Trang			Giáo viên	MN B xã Thanh Liệt	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4N12T	2,26	V.07.02.06		DH	25/09/2018	x	Anh A2	x	Giấy khen UBND huyện
214	Lê Thị Hải Yến			Giáo viên	MN B xã Thanh Liệt	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6N4T	2,66	V.07.02.06		DH	26/03/2015	x	Anh A2	x	x
215	Lê Thị Kiều Trang			Giáo viên	MN B xã Thanh Liệt	01/11/2012	01/05/2013	12/4/2017	6N10T	2,46	V.07.02.06		DH	10/04/2015	x	Anh A2	x	x
216	Trần Thị Hương			Giáo viên	MN B xã Thanh Liệt	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5N6T	2,66	V.07.02.06		DH	21/03/2011	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (số năm tính từ ngày bắt đầu giữ hạng)	Mức lương		Trình độ chuyên môn	Văn bằng, chứng chỉ			Đã tiếp nhận, giữ hạng và thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)	
		Nam	Nữ							Bậc lương	Hiện hưởng		Thời điểm được cấp bằng chứng nghiên cứu học (tháng/ năm)	Đã tiếp nhận, giữ hạng và thành tích	Trình độ ngoại ngữ		Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III
217	Ngô Thị Minh	Phượng		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4N12T	2.26	V07.02.06	DH	25/09/2018	x	Ảnh A2	x	x
218	Trần Thanh	Nhân		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5N6T	2.46	V07.02.06	DH	29/01/2016	x	Ảnh A2	x	Giấy khen UBND huyện
219	Vũ Thị Thủy	Hà		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5N6T	2.46	V07.02.06	DH	25/09/2018	x	Ảnh A2	x	x
220	Đoàn Thị	Hoa		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2013	01/05/2014	12/4/2017	5N10T	2.46	V07.02.06	DH	26/03/2015	x	Ảnh A2	x	x
221	Bùi Thị	Kết		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8N4T	2.66	V07.02.06	DH	26/03/2015	x	Ảnh A2	x	Giấy khen UBND huyện
222	Đặng Thu	Hương		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8N4T	3.06	V07.02.06	DH	29/05/2012	x	Ảnh A2	x	x
223	Nguyễn Thu	Hương		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8N4T	2.66	V07.02.06	DH	21/12/2015	x	Ảnh A2	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND TP
224	Đặng Thị Mai	Anh		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8N4T	2.66	V07.02.06	DH	26/03/2015	x	Ảnh A2	x	x
225	Trần Thị Mai	Hương		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8N4T	3.46	V07.02.06	DH	29/05/2012	x	Ảnh A2	x	x
226	Nguyễn Thị	Vân		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2013	01/05/2014	12/4/2017	5N10T	2.26	V07.02.06	DH	25/03/2014	x	Ảnh A2	x	Giấy khen UBND huyện
227	Nguyễn Thanh	Tuyền		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6N4T	2.66	V07.02.06	DH	26/03/2015	x	Ảnh A2	x	x
228	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6N4T	2.66	V07.02.06	DH	26/03/2015	x	Ảnh A2	x	x
229	Nguyễn Lan	Phượng		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7N4T	2.66	V07.02.06	DH	29/01/2016	x	Ảnh A2	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND TP
230	Vũ Ngọc	Bích		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2013	01/05/2014	12/4/2017	5N10T	2.26	V07.02.06	DH	06/01/2017	x	Ảnh A2	x	x
231	Nguyễn Thị	Thương		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8N4T	2.86	V07.02.06	DH	29/01/2016	x	Ảnh A2	x	x
232	Nguyễn Thị	Hiếu		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8N4T	2.66	V07.02.06	DH	26/03/2015	x	Ảnh A2	x	x
233	Nguyễn Thu	Hiền		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7N4T	2.46	V07.02.06	DH	29/01/2016	x	Ảnh A2	x	x
234	Nguyễn Thị	Hiền		Giáo viên	MN B xã Thanh Lệ	01/11/2013	01/05/2014	12/4/2017	5N10T	2.46	V07.02.06	DH	21/12/2015	x	Ảnh A2	x	Giấy khen UBND huyện
235	Nguyễn Thị	Lan		Hiệu trưởng	MN A Tù Hiệp	01/10/1997	01/10/1997	12/04/2017	23n6th	4.06	V.07.02.06	DHSP	03/2007	x	Ảnh A2	x	Bằng khen của Thủ tướng CP
236	Trương Thị Thu	Huyền		Phó hiệu trưởng	MN A Tù Hiệp	01/01/2007	01/01/2007	12/04/2017	13n1th	3.06	V.07.02.06	DHSP	04/2012	x	Ảnh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được bổ nhiệm vào đơn vị (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng (ngày/ tháng/năm)	Mức lương		Trình độ chuyên môn	Yêu cầu, chứng chỉ			Đã điều chuyển, điều khiển và thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)		
		Năm	Nữ						Hiện hưởng	Hiện hưởng		Thao yếu cầu của hạng dự thi	Bà tiên chuẩn, đạt và trình độ tên học	Chứng chỉ bồi dưỡng CHNN giáo viên MN hạng III			
237	Nguyễn Thị Thanh			Phó hiệu trưởng GV- TTCM	MN A Từ Hiệp	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12a7th	3,06	V.07.02.06	DHSP	08/2010	x	Ảnh A2	x	x
238	Phạm Thị Thanh Tú			TTCM MGB	MN A Từ Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,46	V.07.02.06	DHSP	11/2009	x	Ảnh A2	x	x
239	Đặng Thị Ngọc Mơ			TTCM MGB	MN A Từ Hiệp	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,86	V.07.02.06	DHSP	1/2016	x	Ảnh A2	x	x
240	Đỗ Thị Bích Liên			GV-Bí thư chi đoàn	MN A Từ Hiệp	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,86	V.07.02.06	DHSP	1/2016	x	Ảnh A2	x	x
241	Trương Thị Nữ				MN A Từ Hiệp	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	1/2016	x	Ảnh A2	x	x
242	Nguyễn Thị Hậu				MN A Từ Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,46	V.07.02.06	DHSP	12/2012	x	Ảnh A2	x	x
243	Nguyễn Thu Hương				MN A Từ Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,26	V.07.02.06	DHSP	5/11/2009	x	Ảnh A2	x	x
244	Trương Thị Nhung				MN A Từ Hiệp	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n5th	2,86	V.07.02.06	DHSP	1/2016	x	Ảnh A2	x	x
245	Trương Thị Vân				MN A Từ Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	3,46	V.07.02.06	DHSP	07/2013	x	Ảnh A2	x	x
246	Trương Thị Bông				MN A Từ Hiệp	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,86	V.07.02.06	DHSP	07/2014	x	Ảnh A2	x	x
247	Trần Thị Kim Ngân				MN A Từ Hiệp	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	1/2016	x	Ảnh A2	x	x
248	Châu Ngọc Anh				MN A Từ Hiệp	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,46	V.07.02.06	DHSP	1/2016	x	Ảnh A2	x	x
249	Nguyễn Thị Bình Nguyễn			GV- TTCM MGB	MN A Từ Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,26	V.07.02.06	DHSP	6/2004	x	Ảnh A2	x	x
250	Hà Thị Thủy				MN A Từ Hiệp	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	7n9th	2,46	V.07.02.06	DHSP	1/2016	x	Ảnh A2	x	x
251	Lục Thị Thanh Nga				MN A Từ Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,06	V.07.02.06	DHSP	10/2013	x	Ảnh A2	x	x
252	Nguyễn Thị Thủy			GV- TTCM NT	MN A Từ Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	3,06	V.07.02.06	DHSP	04/2015	x	Ảnh A2	x	x
253	Nguyễn Thị Hoa				MN A Từ Hiệp	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	12/2014	x	Ảnh A2	x	x
254	Dương Thị Quỳnh				MN A Từ Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	3,06	V.07.02.06	DHSP	3/2014	x	Ảnh A2	x	x
255	Lục Thị Phương				MN A Từ Hiệp	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,46	V.07.02.06	DHSP	1/2016	x	Ảnh A2	x	x
256	Nguyễn Thị Gấm				MN A Từ Hiệp	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,46	V.07.02.06	DHSP	1/2016	x	Ảnh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức đặc vào vị trí chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (số năm đầy đủ, kể từ thời gian giữ ngạch hoặc hạng lương được)	Mức lương		Trình độ chuyên môn	Việc bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi			Đã tiếp nhận, cấp hạng và thành tích trong quá trình công tác (GDTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)	
		Nam	Nữ							Mức lương hạng lương	Mức lương chức danh nguyên hạng lương		Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đã tiếp nhận, cấp, ĐK và trình độ tên học	Trình độ nguyên ngữ		Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III
257	Lê Thị Vân		26/11/1988	Giáo viên	MN A. Tự Hiệp	01/11/2013	01/11/2013	11/4/2017	6n3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	5/2017	x	Ảnh B	x	x
258	Phạm Thị Ngọc		27/09/1982	Hiệu trưởng	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,46	V.07.02.06	DHSP	09/01/2009	x	Ảnh B1	x	x
259	Lê T. Thanh Hòa		03/05/1979	Phó Hiệu trưởng	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,26	V.07.02.06	DHSP	5/11/2009	x	Ảnh B1	x	x
260	Nguyễn Thị Hằng		08/11/1980	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3 th	2,86	V.07.02.06	DHSP	25/03/2014	x	Ảnh A2	x	x
261	Trần Thủy Trang		27/11/1984	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,06	V.07.02.06	DHSP	28/12/2012	x	Ảnh A2	x	x
262	Bạch Thị Liên		07/08/1988	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	26/03/2015	x	Ảnh A2	x	x
263	Trương T. Kim Chi		29/06/1986	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	3,06	V.07.02.06	DHSP	29/05/2012	x	Ảnh A2	x	x
264	Nguyễn Thanh Sĩ		28/08/1986	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,06	V.07.02.06	DHSP	29/05/2012	x	Ảnh A2	x	x
265	Đỗ Thị Tuyết		06/10/1980	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	3,26	V.07.02.06	DHSP	18/08/2008	x	Ảnh A2	x	x
266	Nguyễn T. Hồng Lương		14/10/1989	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	26/03/2015	x	Ảnh A2	x	x
267	Đỗ Thị Hiền		02/08/1988	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Ảnh A2	x	x
268	Nguyễn Thị Tú		15/04/1991	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	26/03/2015	x	Ảnh A2	x	x
269	Nguyễn Thị Hồng		03/02/1978	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	3,06	V.07.02.06	DHSP	28/12/2012	x	Ảnh A2	x	x
270	Lê Thị Huệ		05/02/1984	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,06	V.07.02.06	DHSP	29/5/2012	x	Ảnh A2	x	x
271	Nguyễn Thị Nhân		17/03/1986	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	26/03/2015	x	Ảnh A2	x	x
272	Vũ Thị Bình		20/12/1981	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	2,86	V.07.02.06	DHSP	29/07/2014	x	Ảnh A2	x	x
273	Lê Thị Mai		20/02/1991	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Ảnh A2	x	x
274	Đoàn Kim Nhung		06/12/1992	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n5th	2,46	V.07.02.06	DHSP	22/08/2016	x	Ảnh A2	x	x
275	Nguyễn Thị Cẩm Vân		13/04/1991	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n5th	2,46	V.07.02.06	DHSP	04/06/2015	x	Ảnh A2	x	x
276	Nguyễn Thị Thanh		03/06/1983	Giáo viên	MN Tả Thanh Cai B	01/11/2013	01/05/2014	12/04/2017	5n9th	2,46	V.07.02.06	DHSP	20/10/2017	x	Ảnh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển động (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức thực và văn chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm nhận vào học (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ học (tổng đang)	Mức lương		Viện báo, chứng chỉ theo yêu cầu của hàng dự thi					Đã tiếp nhận học về thành tích luyện tập (CSTĐCS, CVDG cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ							Hiện hưởng	Mã số hàng chức danh nghề nghiệp học tập	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Bà tiêu chẩn, ĐKK về trình độ tìm học	Trình độ ngoại ngữ	Chương trình CĐNYP giáo viên MN hạng III	
277	Nguyễn Tài Hồng			Giáo viên	MN Tả Thanh Oai B	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5N 5th	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	X	Anh A2	X	X
278	Nguyễn Tài Tân			Giáo viên	MN Tả Thanh Oai B	01/11/2013	01/05/2014	12/04/2017	5N 9th	2,26	V.07.02.06	DHSP	20/10/2017	X	Anh A2	X	X
279	Nguyễn Thị Hà			Giáo viên	MN Tả Thanh Oai B	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4N 11th	2,26	V.07.02.06	CESP	28/02/2014	X	Anh A2	X	X
280	Trương Thị Phương			Giáo viên	MN Tả Thanh Oai B	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4N 11th	2,26	V.07.02.06	DHSP	25/09/2018	X	Anh A2	X	X
281	Nguyễn Thị Hải			Giáo viên	MN Tả Thanh Oai B	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7N 3th	2,86	V.07.02.06	DHSP	29/07/2014	X	Anh A2	X	X
282	Ngo Thị Lê			Giáo viên	MN Tả Thanh Oai B	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N 3th	2,86	V.07.02.06	DHSP	25/03/2014	X	Anh A2	X	X
283	Trình Thị Nu			Giáo viên	MN Tả Thanh Oai B	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6N 3th	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	X	Anh A2	X	X
284	Nguyễn Thủy Mai			Hiệu Trưởng	MN xã Tân Triều	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N 4T	3,26	V.07.02.06	Dại Học	03/2011	X	Anh A2	X	X
285	Nguyễn Thị Hoa			Phó Hiệu Trưởng	MN xã Tân Triều	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N 4T	3,46	V.07.02.06	Dại Học	08/2008	X	Anh A2	X	X
286	Nguyễn Thị Hoa			Phó Hiệu Trưởng	MN xã Tân Triều	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N 4T	3,46	V.07.02.06	Dại Học	08/2010	X	Anh A2	X	X
287	Nguyễn Thị Tuyết			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N 4T	3,46	V.07.02.06	Dại Học	08/2010	X	Anh A2	X	X
288	Vũ Thị Kim Vân			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N 4T	3,46	V.07.02.06	Dại Học	04/2012	X	Anh A2	X	X
289	Nguyễn Thị Thủy			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N 4T	3,26	V.07.02.06	Dại Học	12/2012	X	Anh A2	X	X
290	Nguyễn Thị Lan Hằng			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N 4T	2,86	V.07.02.06	Dại Học	04/2012	X	Anh A2	X	X
291	Vũ Thị Hồng Minh			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8N 4T	3,26	V.07.02.06	Dại Học	11/2009	X	Anh A2	X	X
292	Nguyễn Thu Hương			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7N 4T	3,46	V.07.02.06	Dại Học	8/2008	X	Anh A2	X	X
293	Nguyễn Thị Văn			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7N 4T	2,86	V.07.02.06	Dại Học	12/2012	X	Anh A2	X	X
294	Nguyễn Kim Oanh			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7N 4T	3,06	V.07.02.06	Dại Học	03/2013	X	Anh A2	X	X
295	Lưu Thị Hiền			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7N 4T	3,26	V.07.02.06	Dại Học	05/2012	X	Anh A2	X	X
296	Nguyễn Thị Lan			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7N 4T	3,06	V.07.02.06	Dại Học	05/2012	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ cấp bậc công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức thực và văn giáo (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng lương giáo (ngày/ tháng/năm)	Thời gian hạng (số năm và tháng, kể từ thời gian giáo ngạch bậc hạng lương được)	Mức lương		Trình độ chuyên môn	Về bằng, chứng chỉ				Đã đạt chuẩn, diển hiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ							Hệ số tương	Mức số bằng chức danh ngành nghiệp hạng giáo		Thời điểm được cấp bằng chứng ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đã tiếp chẩn ĐX về trình độ	Trình độ CDNN giáo vấn MN	Chứng chỉ bằng III	
297	Nguyễn Thị Thủy			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6N 4T	2,66	V.07.02.06	Dại Học	10/2017	x	Ảnh A2	x	x
298	Hoàng Thị Xuân			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6N 4T	2,46	V.07.02.06	Dại Học	12/2015	x	Ảnh A2	x	x
299	Nguyễn Thị Hồng			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6N 4T	2,66	V.07.02.06	Dại Học	12/2015	x	Ảnh A2	x	x
300	Giảng Thị Nguyễn Ánh			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6N 4T	2,86	V.07.02.06	Dại Học	03/2013	x	Ảnh A2	x	x
301	Nguyễn Thị Mai Thanh			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/11/2013	01/03/2014	12/04/2017	5N 10T	2,46	V.07.02.06	Dại Học	10/2017	x	Ảnh A2	x	x
302	Triệu Thủy			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5N 6T	2,46	V.07.02.06	Dại Học	10/2017	x	Ảnh A2	x	x
303	Đỗ Phú Yến			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5N 0T	2,26	V.07.02.06	Cao đẳng	02/2014	x	Ảnh A2	x	x
304	Trương Kim Hiền			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5N 0T	2,26	V.07.02.06	Dại Học	10/2017	x	Ảnh A2	x	x
305	Nguyễn Thị Tuyết Mai			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5N 6T	2,66	V.07.02.06	Dại Học	02/2019	x	Ảnh A2	x	x
306	Trần Thị Thu Liệu			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5N 0T	2,26	V.07.02.06	Dại Học	10/2017	x	Ảnh A2	x	x
307	Đào Thị Hiền			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4N 11T	2,26	V.07.02.06	Dại Học	02/2019	x	Ảnh A2	x	x
308	Trần Thị Đào			Giáo viên	MN xã Tân Triều	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4N 11T	2,26	V.07.02.07	Dại Học	12/2018	x	Ảnh A2	x	x
309	Ngô Thị Minh Ngát			Hiệu trưởng	MN Tân Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	25 năm 8 tháng	4,06 VKS%	V.07.02.06	CDSP DHSP	02/11/2004 10/10/2014	x	Ảnh A2	x	x
310	Vũ Thị Thanh Hà			Phó hiệu trưởng	MN Tân Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	22 năm 6 tháng	3,46	V.07.02.06	DHSP	09/05/2012	x	Ảnh A2	x	x
311	Vũ Thị Ánh Sao			Phó hiệu trưởng	MN Tân Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	16 năm 01 tháng	3,26	V.07.02.06	DHSP	05/11/2009	x	Ảnh B1	x	x
312	Nguyễn Thị Thủy Hằng			Giáo viên	MN Tân Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	22 năm 6 tháng	3,86	V.07.02.06	CDSP DHSP	02/11/2004 29/05/2012	x	Ảnh A2	x	x
313	Lê Thanh Ngọc			Giáo viên	MN Tân Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	20 năm 6 tháng	3,66	V.07.02.06	CDSP DHSP	29/06/1999 19/03/2007	x	Ảnh A2	x	x
314	Nguyễn Thị Thanh			Giáo viên	MN Tân Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	17 năm	3,26	V.07.02.06	CDSP DHSP	30/08/2002 10/10/2014	x	Ảnh A2	x	x
315	Nguyễn Thị Hồng Vân			Giáo viên	MN Tân Lệ	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	14 năm 4 tháng	3,06	V.07.02.06	CDSP DHSP	20/06/2004 15/12/2010	x	Ảnh A2	x	x
316	Nguyễn Kim Tuyền			Giáo viên	MN Tân Lệ	01/11/2013	01/11/2014	12/04/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.02.06	CDSP DHSP	22/06/2012 06/01/2017	x	Ảnh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được vào nhậm vào hạng (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (từ năm số tháng, kể từ thời gian giữ ngạch học bổng từng hạng)	Mức lương		Vấn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiến hành, triển khai về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GYĐG cấp huyện trở lên)
		Họ và tên	Năm							Hệ số lương	Mã số hạng ngạch nghiệp biện chế	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành (ngày/ tháng/năm)	Bằng cấp chuyên ngành	Trình độ CDNN giáo viên MNT	Hạng III	
317	Nguyễn Thị Hạnh		16/11/1987	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2013	01/1/2013	12/04/2017	10 năm 0 tháng	2,66	V.07.02.06	CDSP DHSP	10/08/2009	x	Anh A2	x	x
318	Nguyễn Thị Tuyết		13/05/1982	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2011	01/1/2011	12/04/2017	17 năm 04 tháng	3,46	V.07.02.06	DHSP	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
319	Lê Thị Thủy		10/11/1974	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2011	01/1/2011	12/04/2017	16 năm 8 tháng	3,26	V.07.02.06	DHSP	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
320	Lưu Hải Văn		29/01/1985	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2012	01/1/2012	12/04/2017	11 năm 06 tháng	2,86	V.07.02.06	DHSP	29/05/2012	x	Anh A2	x	x
321	Phạm Thị Thu Phương		12/03/1990	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2013	01/1/2013	12/04/2017	8 năm 0 tháng	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
322	Lê Thị Thanh Tâm		15/10/1990	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2013	01/1/2013	12/04/2017	9 năm 0 tháng	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
323	Khuê Thị Phương		05/03/1986	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2012	01/1/2012	12/04/2017	11 năm 10 tháng	2,86	V.07.02.06	DHSP	28/12/2012	x	Anh A2	x	x
324	Bồ Văn Anh		10/01/1992	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2013	01/1/2013	12/04/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.02.06	DHSP	06/01/2017	x	Anh A2	x	x
325	Hà Thị Thanh Lan		27/06/1986	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	8 năm 0 tháng	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
326	Nguyễn Thu Thủy		13/08/1992	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	8 năm 2 tháng	2,46	V.07.02.06	DHSP	06/01/2017	x	Anh A2	x	x
327	Lưu Thị Liên		11/03/1988	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	11 năm 0 tháng	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/07/2014	x	Anh A2	x	x
328	Nguyễn Mai Hương		21/08/1991	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2013	01/1/2013	12/04/2017	9 năm 2 tháng	2,46	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
329	Hoàng Thị Thu		16/01/1991	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	9 năm 2 tháng	2,46	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
330	Nguyễn Nguyệt Anh		22/01/1992	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2012	01/05/2013	12/04/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.02.06	DHSP	04/10/2016	x	Anh A2	x	x
331	Trịnh Thị Thanh Mai		10/07/1978	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2012	01/11/2012	12/04/2017	17 năm 06 tháng	2,86	V.07.02.06	DHSP	10/10/2014	x	Anh A2	x	x
332	Chữ Thị Thu Huyền		26/01/1992	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2012	01/05/2013	12/04/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.02.06	DHSP	22/08/2016	x	Anh A2	x	x
333	Dương Thị Hồng Anh		25/10/1991	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/1/2013	01/11/2013	12/04/2017	8 năm 0 tháng	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Anh B	x	x
334	Nguyễn Thị Huyền		03/08/1988	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.02.06	DHSP	06/01/2017	x	Anh A2	x	x
335	Nguyễn Thị Hồng		29/12/1988	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.02.06	CDSP DHSP	28/10/2013	x	Anh A2	x	x
336	Trương Thu Trang		05/06/1990	Giáo viên	MN Tuyến Liệt	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.02.06	CDSP	22/06/2012	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào vị trí chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (tổng năm và tháng, kể từ thời gian cấp ngạch hoặc hạng lương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiếp nhận, giải khiếu về tài sản của trước quá trình công tác (COSTBOOK, GVDC cấp huyện trở lên)
		Năm	Tháng							Hạng lương	Mã số hạng chức danh ngạch nghiệp bậc giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chứng ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đã tiếp nhận, giải khiếu về tài sản của trước quá trình công tác	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bằng đẳng chức (COSTBOOK, GVDC cấp huyện trở lên)	
337	Trình Thị Hằng		22/08/1988	Giáo viên	MN Tân Lợi	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	10 năm 6 tháng	2,66	V.07.02.06	DHSP	01/03/2013	x	Anh A2	x	x
338	Nguyễn Thị Thu Hà		16/01/1984	Giáo viên	MN Tân Lợi	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.02.06	DHSP	15/06/2018	x	Anh A2	x	x
339	Đinh Thị Hải		20/03/1992	Giáo viên	MN Tân Lợi	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.02.06	DHSP	15/06/2018	x	Anh A2	x	x
340	Nguyễn Thị Thu Hương		04/03/1993	Giáo viên	MN Tân Lợi	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.02.06	DHSP	15/06/2018	x	Anh A2	x	x
341	Hồng Thị Nhài		06/03/1984	Giáo viên	MN Tân Lợi	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.02.06	DHSP	15/06/2018	x	Anh A2	x	x
342	Nguyễn Thanh Hương		24/02/1979	Hiệu trưởng	MN Quỳnh Đô	01/8/2011	01/8/2011	12/4/2017	8N 7th	3,86	V.07.02.06	CESPMN	28/10/2003	x	Anh A2	x	x
343	Nguyễn Thu Hà		19/10/1976	Phó hiệu trưởng	MN Quỳnh Đô	21/12/2006	01/07/2007	12/4/2017	13N 7th	3,06	V.07.02.06	DHSPMN	04/12/2008	x	Anh A2	x	x
344	Trần Thị Minh Hiền		06/02/1985	Phó hiệu trưởng	MN Quỳnh Đô	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	8N 4th	3,26	V.07.02.06	DHSPMN	20/03/2011	x	Anh A2	x	x
345	Vũ Thị Loan		24/10/1983	Giáo viên	MN Quỳnh Đô	01/1/2012	01/1/2012	12/4/2017	7N 4th	3,26	V.07.02.06	DHSPMN	29/5/2012	x	Anh A2	x	x
346	Vũ Thị Hồng Thu		09/08/1987	Giáo viên	MN Quỳnh Đô	31/10/2013	01/11/2013	12/4/2017	6N 4th	2,86	V.07.02.06	DHSPMN	29/5/2012	x	Anh A2	x	x
347	Nguyễn Thị Loan		07/04/1987	Giáo viên	MN Quỳnh Đô	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5N 6th	2,46	V.07.02.06	DHSPMN	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
348	Nguyễn Thị Kiều Oanh		07/09/1986	Giáo viên	MN Quỳnh Đô	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	8N 4th	3,06	V.07.02.06	DHSPMN	28/12/2012	x	Anh A2	x	x
349	Nguyễn Thị Quỳnh		09/12/1992	Giáo viên	MN Quỳnh Đô	01/1/2013	01/05/2014	12/4/2017	5N 10th	2,26	V.07.02.06	DHSPMN	24/07/2017	x	Anh A2	x	x
350	Nguyễn Thị Thu		20/02/1988	Giáo viên	MN Quỳnh Đô	01/1/2013	01/05/2014	12/4/2017	5N 10th	2,46	V.07.02.06	CESPMN	02/02/2012	x	Anh A2	x	x
351	Nguyễn Thị Thập		08/12/1986	Giáo viên	MN Quỳnh Đô	31/10/2013	01/11/2013	12/4/2017	6N 4th	3,06	V.07.02.06	DHSPMN	29/5/2012	x	Anh A2	x	x
352	Nguyễn Thị Phương		04/02/1986	Giáo viên	MN Quỳnh Đô	31/10/2013	01/11/2013	12/4/2017	6N 4th	3,06	V.07.02.06	DHSPMN	10/10/2014	x	Anh A2	x	x
353	Nguyễn Thu Hương		27/09/1977	Hiệu trưởng	MN xã Yên Mỹ	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12n8th	3,26	V.07.02.06	DHSP	15/12/2010	x	Anh B1	x	x
354	Đỗ Thị Thanh Huyền		14/03/1979	Phó hiệu trưởng	MN xã Yên Mỹ	01/1/2011	01/1/2011	12/04/2017	8n4th	3,46	V.07.02.06	DHSP	24/04/2012	x	Anh A2	x	x
355	Nguyễn Thị Lê Duyên		08/11/1978	Giáo viên	MN xã Yên Mỹ	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4th	3,26	V.07.02.06	DHSP	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
356	Phạm Thị Tâm		01/03/1977	Giáo viên	MN xã Yên Mỹ	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4th	3,26	V.07.02.06	DHSP	05/11/2009	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào vị trí (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (tổng số năm kể từ thời gian giữ hạng hoặc tăng lương được)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Viên chức, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi			Chứng chỉ bồi dưỡng CBNN giáo viên MN hạng III	Đã tiếp chuẩn, diện kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, CVĐG cấp huyện trở lên)	
		Môn	Ni							Mức lương hiện hưởng	Mức lương hiện hưởng		Thời điểm được cấp bằng chứng chức danh phổ cập (ngày/ tháng/ năm)	Đã tiếp chuẩn, diện kiện về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ			
357	Trần Thị Tuyết	Nhưng		20/02/1976	Giáo viên	MN xã Yên Mỹ	01/1/2011	01/1/2011	12/04/2017	8n4th	3,46	V.07.02.06	DHSP	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
358	Nguyễn Thị Thu	Huyền		30/10/1972	Giáo viên	MN xã Yên Mỹ	01/1/2011	01/1/2011	12/04/2017	8n4th	3,46	V.07.02.06	CDSP	06/02/2009	x	Anh A2	x	x
359	Trần Huyền	Trang		13/10/1988	Giáo viên	MN xã Yên Mỹ	01/1/2012	01/1/2012	12/04/2017	7n4th	3,06	V.07.02.06	DHSP	22/08/2016	x	Anh A2	x	Bằng liên cấp TP
360	Đặng Bích	Phượng		10/11/1989	Giáo viên	MN xã Yên Mỹ	01/1/2012	01/1/2012	12/04/2017	7n4th	2,86	V.07.02.06	DHSP	22/08/2016	x	Anh A2	x	x
361	Nguyễn Thu	Hà		01/09/1989	Giáo viên	MN xã Yên Mỹ	01/1/2013	01/1/2013	12/04/2017	6n4th	2,86	V.07.02.06	DHSP	10/10/2014	x	Anh A2	x	Bằng liên cấp TP
362	Phạm Thị Hồng	Thanh		14/01/1980	Giáo viên	MN xã Yên Mỹ	01/1/2013	01/05/2014	12/04/2017	5n10th	2,46	V.07.02.06	DHSP	22/08/2016	x	Anh A2	x	x
363	Nguyễn Thị Thu	Hà		16/8/1973	Hiệu trưởng	MN Yên Xá	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3,46	V.07.02.06	DHNN	3/2007	x	Anh B1	x	x
364	Đỗ Thanh	Huyền		07/01/1972	Phó Hiệu trưởng	MN Yên Xá	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	8n4t	3,66	V.07.02.06	DHNN	3/2013	x	Anh A2	x	x
365	Nguyễn Thị Thắm			09/05/1977	Giáo viên	MN Yên Xá	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	8n4t	3,46	V.07.02.06	DHNN	8/2008	x	Anh A2	x	x
366	Trương Thị Thu			23/10/1984	GVNN	MN Yên Xá	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	8n4t	3,26	V.07.02.06	DHNN	3/2013	x	Anh A2	x	x
367	Hoàng Lê Thu			01/09/1984	GVNN	MN Yên Xá	01/1/2012	01/1/2012	12/4/2017	7n4t	3,06	V.07.02.06	DHNN	12/2012	x	Anh A2	x	x
368	Giảng Thị Thu Hà			20/03/1984	Giáo viên	MN Yên Xá	01/1/2012	01/1/2012	12/4/2017	7n4t	3,06	V.07.02.06	DHNN	3/2015	x	Anh A2	x	x
369	Nguyễn Thị Tuyên			12/01/1985	Giáo viên	MN Yên Xá	01/1/2012	01/1/2012	12/4/2017	7n4t	3,06	V.07.02.06	DHNN	12/2012	x	Anh A2	x	x
370	Nguyễn Thị Thu			20/03/1984	Giáo viên	MN Yên Xá	31/10/2013	01/1/2013	12/4/2017	6n4t	2,86	V.07.02.06	DHNN	3/2013	x	Anh A2	x	x
371	Nguyễn Thị Bích Ngân			17/7/1978	Giáo viên	MN Yên Xá	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5n6t	2,66	V.07.02.06	DHNN	7/2009	x	Anh A2	x	x
372	Nguyễn Thị Lương			10/10/1976	Giáo viên	MN Yên Xá	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5n6t	2,46	V.07.02.06	CBNN	6/2012	x	Anh A2	x	x
373	Nguyễn Thị Phúc			04/1/1989	Giáo viên	MN Yên Xá	01/1/2013	01/05/2014	12/4/2017	5n10t	2,46	V.07.02.06	CBNN	6/2012	x	Anh A2	x	x
374	Nguyễn Thị Trang			24/02/1992	Giáo viên	MN Yên Xá	01/1/2013	01/5/2014	12/4/2017	5n10t	2,46	V.07.02.06	DHNN	01/2017	x	Anh A2	x	x
375	Trương Thị Hoa Liễu			03/01/1992	Giáo viên	MN Yên Xá	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5n	2,26	V.07.02.06	DHNN	01/2017	x	Anh A2	x	x
376	Nguyễn Thị Thanh			12/07/1982	Giáo viên	MN Yên Xá	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	8n4t	3,26	V.07.02.06	DHNN	4/2015	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hàng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hàng (tổng số năm, tháng, lễ kỷ niệm, kể cả thời gian giữ nghỉ hoặc đang hưởng lương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hàng dự thi			Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (GDPCCS, GDPCC, GDPCC cấp huyện trở lên)	
		Nam	Nữ							Hiện hưởng	Hiện giữ		Đã tiêu	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý		
377	Đỗ Thị Hà		02/11/1987	Giáo viên	MN Yên Xá	01/11/2011	01/5/2012	12/4/2017	7n10n	2,46	V07.02.06	DHMAN	01/2016	x	Ảnh A2	x	x
378	Nguyễn Thị Thu Trang		27/11/1989	Giáo viên	MN Yên Xá	31/10/2013	01/1/2013	12/4/2017	6n4t	2,46	V07.02.06	DHMAN	2/2019	x	Ảnh A2	x	x
379	Phạm Thị Kim Chung		10/12/1982	Giáo viên	MN Yên Xá	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5n	2,26	V07.02.06	CDMAN	5/2005	x	Ảnh A2	x	x
380	Nguyễn Châu Giang		22/04/1993	GVMN	MN Yên Xá	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5n	2,26	V07.02.06	DHMAN	11/2017	x	Ảnh A2	x	x
381	Nguyễn Thị Thu Hương		26/04/1989	GVMN	MN Yên Xá	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5n	2,26	V07.02.06	DHMAN	9/2018	x	Ảnh A2	x	x
382	Nguyễn Thị Tuyết		11/12/1992	GVMN	MN Yên Xá	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	5n	2,26	V07.02.06	DHMAN	9/2017	x	Ảnh A2	x	x
383	Nguyễn Thị Nhung		26/10/1993	GVMN	MN Yên Xá	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	5n	2,26	V07.02.06	DHMAN	6/2018	x	Ảnh A2	x	x
384	Nguyễn Hiền Lương		29/12/1969	Hiệu trưởng	MN non xẽ Hữu Hòa	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	4,06	V07.02.06	DHSP	3/2007	x	Ảnh A2	x	x
385	Phạm Thị Thanh Hương		12/6/1976	Phó Hiệu trưởng	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,46	V07.02.06	DHSP	7/2009	x	Ảnh A2	x	x
386	Nguyễn Thị Thu Huyền		01/8/1973	Phó Hiệu trưởng	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,06	V07.02.06	DHSP	11/2009	x	Ảnh A2	x	x
387	Lam Thị Nguyễn		08/3/1982	Giáo viên	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,26	V07.02.06	DHSP	7/2009	x	Ảnh A2	x	x
388	Đoàn Thị Hời		01/7/1971	Giáo viên	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	07N4th	3,26	V07.02.06	DHSP	03/2011	x	Ảnh A2	x	x
389	Đoàn Thị Phương Thảo		04/08/1985	Giáo viên	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,06	V07.02.06	DHSP	12/2012	x	Ảnh A2	x	x
390	Nguyễn Thị Nguyễn		07/12/1980	Giáo viên	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,06	V07.02.06	DHSP	6/2011	x	Ảnh A2	x	x
391	Nguyễn Thị Lam		25/7/1985	Giáo viên	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,06	V07.02.06	DHSP	11/2012	x	Ảnh B1	x	x
392	Tiền Thị Kim Ngọc		04/06/1984	Giáo viên	MN non xẽ Hữu Hòa	01/9/2014	01/09/2015	01/09/2015	5n4th	2,26	V07.02.06	DHSP	01/2017	x	Ảnh A2	x	x
393	Nguyễn Thị Hiền		05/05/1990	Giáo viên	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6n4th	2,66	V07.02.06	DHSP	10/2014	x	Ảnh B	x	x
394	Đinh Thị Lanh		12/11/1983	Giáo viên	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2013	01/5/2014	12/4/2017	6n4th	2,46	V07.02.06	DHSP	01/2017	x	Ảnh A2	x	x
395	Phạm Thị Tuất		05/01/1983	Giáo viên	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	06N1th	2,86	V07.02.06	DHSP	03/2011	x	Ảnh A2	x	x
396	Nguyễn Thị Thủy		20/03/1989	Giáo viên	MN non xẽ Hữu Hòa	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6n4th	2,66	V07.02.06	DHSP	10/2014	x	Ảnh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm thực hiện công việc (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào bộ phận (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ bộ phận (số tháng, số ngày)	Mức lương hiện hành	Mức số hạng chức danh ngũ nghiệp tính giờ	Trình độ chuyên môn	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu công tác			Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh văn MN hạng III	Biểu tượng, dấu hiệu và thành tích tư tưởng, đạo đức tư tưởng, đạo đức tư tưởng, đạo đức
		Nam	Nữ										Thời điểm được cấp bằng chứng nghiệp vụ (tháng/ năm)	Đã tiếp chẩn, đặc biệt trình độ	Trình độ ngoại ngữ		
397	Đặng Thị		05/1/1990	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/11/2013	01/11/2013	12/4/2017	6n4th	2,66	V.07.02.06	DHSP	01/2016	x	Ảnh A2	x	x
398	Phạm Thị		24/06/1991	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/11/2011	01/05/2012	12/4/2017	8n4th	2,46	V.07.02.06	DHSP	01/2016	x	Ảnh A2	x	x
399	Tương Thị		21/04/1989	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5n6th	2,86	V.07.02.06	DHSP	7/2014	x	Ảnh A2	x	x
400	Lê Thu		31/10/1991	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5n6th	2,46	V.07.02.06	DHSP	1/2017	x	Ảnh A2	x	x
401	Đoàn Thị		20/1/1992	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5n6th	2,46	V.07.02.06	DHSP	01/2017	x	Ảnh A2	x	x
402	Nguyễn Thị Lê		01/11/1992	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	5n6th	2,26	V.07.02.06	DHSP	10/2017	x	Ảnh A2	x	x
403	Lưu Hồng Thị		23/11/1993	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	5n6th	2,26	V.07.02.06	DHSP	10/2017	x	Ảnh A2	x	x
404	Nguyễn Thị		04/5/1981	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/11/2013	01/05/2014	12/4/2017	6n4th	2,46	V.07.02.06	DHSP	10/2017	x	Ảnh A2	x	x
405	Nguyễn Thị		09/7/1987	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	5n6th	2,26	V.07.02.06	DHSP	01/2017	x	Ảnh A2	x	x
406	Nguyễn Thị		24/8/1987	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/11/2011	01/05/2012	12/4/2017	8n4th	2,46	V.07.02.06	DHSP	01/2016	x	Ảnh A2	x	x
407	Nguyễn Thị		20/1/1989	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5n6th	2,46	V.07.02.06	DHSP	07/2014	x	Ảnh A2	x	x
408	Lưu Thu		11/1/1993	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	5n6th	2,26	V.07.02.06	DHSP	10/2017	x	Ảnh A2	x	x
409	Lê Thị		26/10/1988	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	2,66	V.07.02.06	DHSP	10/2014	x	Ảnh A2	x	x
410	Nguyễn Thị		28/9/1985	Giáo viên	Mầm non xã Hòa Hòa	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	07n4th	3,06	V.07.02.06	DHSP	12/2012	x	Ảnh A2	x	x
411	Bùi Thị Thủy		17/02/1985	Giáo viên	MN A xã Văn Phúc	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	2,86	V.07.02.06	DHSP	29/05/2012	x	Ảnh A2	x	x
412	Phạm Thị Bích		01/01/1971	Giáo viên	MN A xã Văn Phúc	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,66	V.07.02.06	DHSP	13/07/2013	x	Ảnh A2	x	x
413	Nguyễn Thị Mình		05/06/1983	Phó Hiệu trưởng	MN A xã Văn Phúc	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n4th	3,26	V.07.02.06	DHSP	21/03/2011	x	Ảnh A2	x	x
414	Nguyễn Thị		14/03/1971	Giáo viên	MN A xã Văn Phúc	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7n4th	2,86	V.07.02.06	DHSP	10/10/2014	x	Ảnh A2	x	x
415	Vương Mỹ		17/08/1989	Giáo viên	MN A xã Văn Phúc	01/11/2013	01/05/2014	12/4/2017	5n10th	2,46	V.07.02.06	DHSP	14/09/2017	x	Ảnh A2	x	x
416	Tạ Thị Thủy		28/03/1986	Giáo viên	MN A xã Văn Phúc	01/11/2013	01/11/2013	04/12/2015	6n4th	2,46	V.07.02.06	CBSP	22/06/2012	x	Ảnh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được bổ nhiệm đóng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm nhậm chức nhập vào viên chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (tổng năm và tháng, kể từ thời gian giữ ngạch hạng đang giữ)	Mức lương		Trình độ chuyên môn	Văn bằng, chứng chỉ			Chứng chỉ bồi dưỡng GDNN giáo viên MN hạng III	Đã lên chuẩn, diện lựa về thành tích trong quá trình công tác (GSTDGS, GYDGS cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ							Hiện hành	Hiện hành		theo yêu cầu của hàng dự thi				
417	Nguyễn Thị Mai	Huơng	10/01/1991	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n6th	2,66	V.07.02.06	DHSP	14/09/2017	x	Anh A2	x	x
418	Nguyễn Thị	Huyền	17/04/1990	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n4th	2,66	V.07.02.06	DHSP	14/09/2017	x	Anh A2	x	x
419	Nguyễn Thị Hồng	Lê	04/05/1991	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n6th	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
420	Đặng Thị	Liên	02/07/1984	Phó Hiệu trưởng	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4th	3,26	V.07.02.06	DHSP	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
421	Phạm Thị	Loan	01/02/1982	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n4th	2,66	V.07.02.06	DHSP	10/10/2014	x	Anh A2	x	x
422	Nguyễn Thanh	Mai	18/07/1991	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n4th	2,66	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
423	Nguyễn Thị	Nguyễn	09/08/1990	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n6th	2,66	V.07.02.06	DHSP	08/04/2015	x	Anh A2	x	x
424	Lê Thị	Nhung	24/09/1986	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4th	3,06	V.07.02.06	DHSP	15/07/2013	x	Anh A2	x	x
425	Châu Thị Thủy	Phượng	21/11/1980	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n6th	2,46	V.07.02.06	DHSP	25/09/2018	x	Anh A2	x	x
426	Đỗ Mai	Phượng	17/09/1973	Hiệu trưởng	MN A xã Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,86	V.07.02.06	DHSP	29/05/2012	x	Anh A2	x	x
427	Hoàng Thị	Thiệt	24/08/1968	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4th	3,06	V.07.02.06	DHSP	15/07/2013	x	Anh A2	x	x
428	Kim Thị Thanh	Thùy	01/04/1988	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2013	01/11/2013	04/12/2015	6n4th	2,46	V.07.02.06	CBSP	22/06/2012	x	Anh A2	x	x
429	Hoàng Thị	Thùy	10/11/1979	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4th	3,46	V.07.02.06	DHSP	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
430	Hoàng Thị Thanh	Thùy	01/10/1987	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n4th	2,46	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
431	Nguyễn Thị	Tuyết	14/05/1984	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4th	3,26	V.07.02.06	DHSP	21/03/2011	x	Anh A2	x	x
432	Phan Thị Thanh	Vân	05/06/1980	Giáo viên	MN A xã Vạn Phúc	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4th	3,66	V.07.02.06	DHSP	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
433	Trần Thị Thu	Hiền	17/10/1982	Hiệu trưởng	MN B xã Vạn Phúc	01/01/2007	01/07/2007	12/4/2017	12N07th	3,06	V.07.02.06	DHSP GDNN	26/03/2007	x	Anh B1	x	x
434	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	27/8/1983	Hiệu trưởng	MN B xã Vạn Phúc	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	08N03th	3,46	V.07.02.06	DHSP	05/11/2009	x	Anh B	x	x
435	Phạm Thị	Phúc	29/5/1971	Hiệu trưởng	MN B xã Vạn Phúc	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11N06th	2,86	V.07.02.06	DHSP	21/03/2011	x	Anh B	x	x
436	Hoàng Thị	Hiền	27/8/1983	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	08N03th	3,26	V.07.02.06	DHSP	08/07/2009	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh đang tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức hiện vào viên chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (số năm 0 tháng, số ngày)	Mức lương		Trình độ chuyên môn	Vấn đề khiếu nại		X	X	X	
		Nam	Nữ							Hiện hưởng	Hiện hưởng		Thời điểm được chấp nhận chuyển việc (ngày/ tháng/năm)	Do việc chuyển việc không đúng quy định của pháp lệnh				
437	LÀ THỊ MINH	Xuyến	27/10/1971	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N03th	3.06	V.07.02.06	BH GDMN	05/1/2009	X	Ảnh A2	X		X
438	Trần Thị	Liên	15/02/1982	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N03th	3.06	V.07.02.06	BH GDMN	15/07/2013	X	Ảnh A2	X		X
439	Hoàng Bích	Phượng	22/9/1991	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2013	01/5/2014	12/4/2017	05N09th	2.36	V.07.02.06	BH GDMN	16/05/2013	X	Ảnh A2	X		X
440	LÀ THỊ PHƯƠNG	Liên	05/06/1985	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N03th	3.06	V.07.02.06	BH GDMN	21/03/2011	X	Ảnh A2	X		X
441	LÀ THỊ	Xuân	01/4/1985	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N03th	3.06	V.07.02.06	BH GDMN	29/05/2012	X	Ảnh A2	X		X
442	Phạm Thị Thu	Hiền	11/10/1990	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2013	01/1/2013	12/4/2017	06N03th	2.66	V.07.02.06	BH GDMN	12/08/2015	X	Ảnh A2	X		X
443	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26/4/1987	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2013	01/1/2013	12/4/2017	06N03th	2.66	V.07.02.06	BH GDMN	06/01/2017	X	Ảnh A2	X		X
444	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	20/9/1983	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	05N05th	2.66	V.07.02.06	CD GDMN	22/12/2009	X	Ảnh A2	X		X
445	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18/7/1987	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N03th	3.06	V.07.02.06	BH GDMN	29/05/2012	X	Ảnh A2	X		X
446	Nguyễn Thị Minh	Hiền	07/02/1977	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N03th	3.26	V.07.02.06	BH GDMN	05/1/2009	X	Ảnh A2	X		X
447	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	20/02/1987	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	05N05th	2.46	V.07.02.06	CD GDMN	22/06/2012	X	Ảnh A2	X		X
448	Phạm Thị Minh	Hằng	25/4/1992	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2013	01/1/2013	12/4/2017	06N03th	2.46	V.07.02.06	BH GDMN	06/01/2017	X	Ảnh A2	X		X
449	Phạm Thị Thu	Phượng	07/7/1987	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N03th	2.86	V.07.02.06	BH GDMN	29/05/2012	X	Ảnh A2	X		X
450	VÀ THỊ	Hiền	03/01/1991	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	05N05th	2.66	V.07.02.06	BH GDMN	06/01/2017	X	Ảnh A2	X		X
451	Đặng Thu	Huế	13/11/1989	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2013	01/1/2013	12/4/2017	06N03th	2.66	V.07.02.06	BH GDMN	10/10/2014	X	Ảnh A2	X		X
452	Nguyễn Thị Hải	Yến	24/5/1988	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2013	01/1/2013	12/4/2017	06N03th	2.66	V.07.02.06	CD GDMN	23/05/2013	X	Ảnh A2	X		X
453	Nguyễn Thị	Quanh	22/09/1986	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2012	01/09/2013	12/4/2017	06N05th	2.46	V.07.02.06	BH GDMN	15/06/2018	X	Ảnh A2	X		X
454	Chị Thị	Nguyễn	12/09/1989	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2012	01/1/2012	12/4/2017	07N03th	2.86	V.07.02.06	BH GDMN	10/10/2014	X	Ảnh A2	X		X
455	Chị Thị Hồng	Hành	26/09/1983	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2012	01/1/2012	12/4/2017	07N03th	3.06	V.07.02.06	BH GDMN	28/12/2012	X	Ảnh A2	X		X
456	Trần Thị	Tuyền	18/12/1986	Giáo viên	MN B xã Vạn Phúc	01/1/2012	01/1/2012	12/4/2017	07N03th	2.86	V.07.02.06	CDSP GDMN	28/08/2007	X	Ảnh A2	X		X

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ cấp bậc	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào vị trí công (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng lương giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (tính từ ngày bổ nhiệm vào chức vụ) (tháng/năm)	Mức lương		Vấn bằng, chứng chỉ				Đã tiếp nhận, giữ hệ số đánh giá trong quá trình công tác (CSTĐCS, CVĐC cấp huyện trở lên)	
		Năm	Ng							Mức lương hệ số hưởng	Mức hưởng	Thời điểm được cấp bằng chứng nghiên phá hợp (tháng/ năm)	Dã tiếp cấp bằng ĐK về chính trị học	Trình độ CDNN giáo viên MN hạng III			
457	Phùng Thị Hồng	Lý		Hiệu trưởng	Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/01/1987	01/01/1987	12/04/2017	33N 02th	4.06	V.07.02.06	DHMAN	26/03/2007	x	Ảnh A2	X	x
458	Nguyễn Thị Ngọc Lan			Phó hiệu trưởng	Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N 4th	3.46	V.07.02.06	DHMAN	08/07/2009	x	Ảnh A2	X	x
459	Nguyễn Thị Nga			Phó hiệu trưởng	Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N 4th	4.06	V.07.02.06	CDMAN	16/06/1993	x	Ảnh A2	X	x
460	Trần Thị Thuý				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N 4th	3.46	V.07.02.06	DHMAN	28/12/2012	x	Ảnh A2	X	x
461	Nguyễn Thị Mỹ				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N 4th	3.06	V.07.02.06	DHMAN	28/12/2012	x	Ảnh A2	X	x
462	Nguyễn Thị Kim Ngà				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N 4th	3.26	V.07.02.06	DHMAN	05/11/2009	x	Ảnh A2	X	x
463	Phạm Thị Hiền	Mỹ			Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N 4th	2.66	V.07.02.06	DHMAN	29/01/2016	x	Ảnh A2	X	x
464	Phạm Thị Kim Thu				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N 4th	3.06	V.07.02.06	DHMAN	29/05/2012	x	Ảnh A2	X	x
465	Nguyễn Thị Phươg Trào				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	08N 4th	3.26	V.07.02.06	DHMAN	05/11/2009	x	Ảnh A2	X	x
466	Nguyễn Thị Lê Mỹ				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	07N 4th	3.06	V.07.02.06	DHMAN	28/12/2012	x	Ảnh A2	X	x
467	Nguyễn Thị Thu Hiền				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	07N 4th	3.06	V.07.02.06	DHMAN	28/12/2012	x	Ảnh A2	X	x
468	Hoàng Thị Hương				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	07N 4th	3.06	V.07.02.06	DHMAN	28/12/2012	x	Ảnh A2	X	x
469	Địch Thị Hiền				Mầm non A xã Ngọc Hồi	31/10/2013	01/11/2013	12/04/2017	06N 4th	2.86	V.07.02.06	DHMAN	29/01/2016	x	Ảnh A2	X	x
470	Hoàng Thanh Thủy				Mầm non A xã Ngọc Hồi	31/10/2013	01/11/2013	12/04/2017	06N 4th	2.66	V.07.02.06	DHMAN	29/01/2016	x	Ảnh A2	X	x
471	Vũ Thị Chang				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	05 N6th	2.46	V.07.02.06	DHMAN	29/01/2016	x	Ảnh A2	X	x
472	Nguyễn Thị Xuân				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	05N0th	2.26	V.07.02.06	DHMAN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x
473	Nguyễn Thị Thanh				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	05N0th	2.26	V.07.02.06	DHMAN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x
474	Kim Thị Vân				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	05N0th	2.26	V.07.02.06	DHMAN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x
475	Phạm Thị Phương Dung				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	05N0th	2.26	V.07.02.06	DHMAN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x
476	Phạm Thị Thu Hiền				Mầm non A xã Ngọc Hồi	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	05 N6th	2.46	V.07.02.06	DHMAN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ cấp đánh cấp đề	Tên trường	Thời điểm được bổ nâng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nâng chức vào viên chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nâng vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (cả năm và tháng, kể từ thời gian giữ ngạch hoặc hạng hạng trước)	Mức lương		Vấn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi	Đã ưu tiên, miễn hưu và thanh toán trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)				
		Năm	Tháng							Hiện hưởng	Hiện hưởng						
477	Phạm Thủy	Liên	11/25/1991	Giáo viên	Mã non A xđ Ngọc Hồi	01/9/2014	01/3/2015	12/04/2017	05N04th	2,26	V.07.02.06	DH/MN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x
478	Phạm Thị Thanh	Dung	11/21/1989	Giáo viên	Mã non A xđ Ngọc Hồi	01/9/2014	01/3/2015	12/04/2017	05N04th	2,26	V.07.02.06	DH/MN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x
479	Phạm Hải	Yến	8/29/1989	Giáo viên	Mã non A xđ Ngọc Hồi	01/9/2014	01/3/2015	12/04/2017	05N04th	2,26	V.07.02.06	DH/MN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x
480	Nguyễn Thị	Thom	27/10/1980	Giáo viên	Mã non A xđ Ngọc Hồi	01/1/2012	01/1/2012	12/04/2017	07N 4th	3,06	V.07.02.06	DH/MN	28/12/2012	x	Ảnh A2	X	x
481	Võ Thủy	Linh	11/14/1992	Giáo viên	Mã non A xđ Ngọc Hồi	01/9/2014	01/3/2015	12/04/2017	05N04th	2,26	V.07.02.06	DH/MN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x
482	Nguyễn Thị	Huệ	10/8/1984	Giáo viên	Mã non A xđ Ngọc Hồi	01/1/2013	01/5/2014	12/04/2017	05 N10th	2,46	V.07.02.06	DH/MN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x
483	Nguyễn Thị	Hào	8/28/1984	Giáo viên	Mã non A xđ Ngọc Hồi	01/9/2014	01/9/2014	12/04/2017	05 N6th	2,46	V.07.02.06	DH/MN	15/6/2018	x	Ảnh A2	X	x
484	Phạm Thủy	Hạnh	30/10/1979	Hiệu trưởng	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N7th	3,46	V.07.02.06	DHSP	03/2007	x	Ảnh B1	x	Bảng kê của Bộ GD&ĐT
485	Chữ Thị Bào	Ngọc	27/9/1978	Phó Hiệu trưởng	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N04th	3,46	V.07.02.06	CD	8/2001	x	Ảnh A2	x	x
486	Trương Thị Minh	Chung	21/6/1987	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/1/2012	01/05/2013	12/4/2017	06N10th	2,46	V.07.02.06	CD	6/2012	x	Ảnh A2	x	x
487	Nguyễn Thị	Hải	19/7/1977	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N04th	3,46	V.07.02.06	CD	11/2004	x	Ảnh A2	x	x
488	Trương Thị Phuong	Liên	16/8/1987	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N04th	3,06	V.07.02.06	DH	05/2012	x	Ảnh A2	x	x
489	Lưu Kim	Ngân	30/12/1991	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	31/10/2013	01/11/2013	12/4/2017	06N04th	2,46	V.07.02.06	DH	01/2016	x	Ảnh A2	x	x
490	Nguyễn Thị Kim	Chi	27/10/1988	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N04th	2,46	V.07.02.06	DH	12/2012	x	Ảnh A2	x	x
491	Nguyễn Thị	Yến	22/03/1990	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N04th	2,66	V.07.02.06	DH	10/2014	x	Ảnh A2	x	x
492	Phạm Thị Vân	Anh	25/12/1981	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/1/2012	01/11/2012	12/4/2017	07N04th	3,06	V.07.02.06	DH	10/2014	x	Ảnh A2	x	x
493	Bùi Thị Bích	Ngọc	1/1/1982	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	11/1/2013	11/1/2014	12/4/2017	05N04th	2,26	V.07.02.06	CD	3/2013	x	Ảnh A2	x	x
494	Trương Thị Tú	Quỳnh	1/7/1988	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N04th	3,06	V.07.02.06	DH	05/2012	x	Ảnh A2	x	x
495	Nguyễn Phương	Nam	11/9/1975	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	08N04th	3,86	V.07.02.06	DH	12/2008	x	Ảnh B	x	x
496	Trương Thị Thủy	Hằng	14/03/1985	Giáo viên	Mã non B xđ Tứ Hiệp	01/1/2012	01/11/2012	12/4/2017	07N04th	3,06	V.07.02.06	DH	05/2012	x	Ảnh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức vào vị trí chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào chức (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (tổng số năm số tháng, số ngày)	Mức lương hiện hưởng	Mức số hạng cấp dưỡng nghỉ hưu hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Vào biên, công chức theo yêu cầu của từng dự án				Đã qua đào tạo, giữ bằng tốt nghiệp các chức (CSTĐCS, GVPG cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ										Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành (ngày/ tháng/năm)	Đã qua đào tạo, bồi dưỡng GDNN trình độ đặc biệt	Trình độ GDNN nghị quyết	Chứng chỉ bồi dưỡng GDNN giáo viên MN hạng III	
497	Nguyễn Thanh	Hyên		Giáo viên	Mầm non B xã Tứ Hiệp	31/10/2013	01/11/2013	12/4/2017	05N04th	2,66	V.07.02.06	DH	10/2014	x	Ảnh A2	x	x
498	Đỗ Thị Mai	Nhung		Giáo viên	Mầm non B xã Tứ Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	08N04th	3,06	V.07.02.06	DH	06/2011	x	Ảnh A2	x	CSTD cấp Thành phố
499	Bùi Thị Minh	Tuyết		Giáo viên	Mầm non B xã Tứ Hiệp	31/10/2013	01/11/2013	12/4/2017	05N04th	2,46	V.07.02.06	DH	01/2016	x	Ảnh A2	x	x
500	Nguyễn Thị Thanh	Tiến		Giáo viên	Mầm non B xã Tứ Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	08N04th	3,06	V.07.02.06	DH	10/2013	x	Ảnh A2	x	CSTD cấp huyện
501	Nguyễn Thị Hòa		15/09/1988	Giáo viên	Mầm non B xã Tứ Hiệp	15/11/2011	15/11/2011	27/3/2017	08N04th	2,86	V.07.02.06	DH	12/2012	x	Ảnh A2	x	x
502	Lê Kim	Ngân		Hiệu trưởng	MN A xã Ngã Hiệp	01/08/2008	31/12/2009	12/04/2017	10n2t	3,26	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	15/12/2010	x	Ảnh A2	x	x
503	Lê Thị Lê	Mỹ		Phó Hiệu trưởng	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4t	3,26	V.07.02.06	DH GDNN	05/11/2009	x	Ảnh B1	x	x
504	Nguyễn Thu	Dung		Phó Hiệu trưởng	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4t	3,06	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	29/05/2012	Trung cấp	Ảnh B1	x	x
505	Trần Thị Thu	Hiên		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4t	3,06	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	08/04/2005	x	Ảnh A2	x	x
506	Vũ Thị	Thom		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4t	3,26	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	29/05/2012	x	Ảnh A2	x	x
507	Lưu Thị Thủy	Ngà		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n6t	2,46	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	14/06/2018	x	Ảnh A2	x	Bảng kê UBND TP
508	Nguyễn Thị	Thào		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2013	01/05/2014	12/04/2017	5n10	2,46	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	14/06/2018	x	Ảnh A2	x	x
509	Bùi Thị	Lạ		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4t	2,86	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	29/05/2012	x	Ảnh A2	x	x
510	Phạm Thị	Dung		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2013	01/05/2014	12/04/2017	5n10t	2,46	V.07.02.06	CB SPNN	22/06/2012	x	Ảnh A2	x	x
511	Nguyễn Thị Hoài	Thu		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4t	2,66	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	08/04/2015	x	Ảnh A2	x	x
512	Lưu Thị Thu	Hà		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n4t	3,06	V.07.02.06	DH SPNN	05/11/2009	x	Ảnh A2	x	x
513	Trần Thị Huyền	Ngà		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4t	2,86	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	15/07/2013	x	Ảnh A2	x	x
514	Trần Thị Bích	Lên		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4t	3,26	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	05/11/2009	x	Ảnh A2	x	x
515	Nguyễn Thị	Huyền		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n5t	2,46	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	06/01/2017	x	Ảnh A2	x	x
516	Phạm Thị	Lên		Giáo viên	MN A xã Ngã Hiệp	01/11/2013	01/05/2014	12/04/2017	6n3t	2,46	V.07.02.06	Cơ nhân GDNN	06/01/2017	x	Ảnh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào vị trí chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng chức giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (tổng năm và tháng, kể từ thời gian giữ ngạch hoặc hạng lương được)	Mức lương hiện hưởng		Viện bằng, chứng chỉ				Đã ưu chuyển, bồi dưỡng CĐNN giáo viên MN hạng III	Đã ưu chuyển, nâng cao trình độ tư nhân (CĐNN, GVĐG cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ							Bậc lương	Mức lương hiện hưởng	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chứng năng lực hợp (ngày/ tháng/ năm)	Đã ưu chuyển, bồi dưỡng CĐNN và tư nhân	Trình độ chuyên môn		
537	Lê Thị Vân	Anh		GV	MN xã Đại Áng	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5m6t	2,46	V07.02.06	DH	29/01/2016	Trung cấp	Anh A2	x	x
538	Hoàng Thị Hồng	Nhung		GV	MN xã Đại Áng	20/09/1992	01/09/2014	12/04/2017	5m6t	2,46	V07.02.06	DH	29/01/2016	x	Anh A2	x	x
539	Nguyễn Thị Thu			GV	MN xã Đại Áng	15/08/1989	31/10/2013	12/04/2017	6m4t	2,66	V07.02.06	DH	29/07/2014	x	Anh A2	x	x
540	Hoàng Thị Diệp			GV	MN xã Đại Áng	16/09/1989	31/10/2013	12/04/2017	6m4t	2,66	V07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh A2	x	x
541	Hoàng Thị Huyền			GV	MN xã Đại Áng	13/04/1982	31/10/2013	12/04/2017	6m4t	3,06	V07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh A2	x	x
542	Nguyễn Thị Quyên			GV	MN xã Đại Áng	08/05/1987	31/10/2013	12/04/2017	6m4t	3,06	V07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh A2	x	x
543	Đỗ Thị Lập			GV	MN xã Đại Áng	06/10/1981	31/10/2013	12/04/2017	6m4t	3,06	V07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh B	x	x
544	Trần Thị Anh Tuyết			GV	MN xã Đại Áng	15/08/1975	31/10/2013	12/04/2017	6m4t	3,06	V07.02.06	DH	05/07/2013	x	Anh A2	x	x
545	Trần Thị Thủy	Trang		GV	MN xã Đại Áng	01/11/1980	01/11/2011	12/04/2017	8m4t	3,46	V07.02.06	CD - DH	08/2002- 08/2008	x	Anh A2	x	x
546	Nguyễn Thị Bích Hạnh			GV	MN xã Đại Áng	02/12/1985	01/11/2011	12/04/2017	8m4t	3,06	V07.02.06	DH	29/05/2012	x	Anh A2	x	x
547	Nguyễn Thị Quý			GV	MN xã Đại Áng	16/07/1987	01/11/2011	12/04/2017	8m4t	3,06	V07.02.06	DH	31/10/2013	x	Anh A2	x	x
548	Nguyễn Thị Hoa			GV	MN xã Đại Áng	27/02/1986	01/11/2011	12/04/2017	8m4t	3,06	V07.02.06	DH	29/05/2012	x	Anh A2	x	x
549	Nguyễn Thị Phức			GV	MN xã Đại Áng	27/11/1985	01/11/2011	12/04/2017	8m4t	3,06	V07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh A2	x	x
550	Nguyễn Thị Ngọc	Vân		GV	MN xã Đại Áng	11/08/1984	01/11/2011	12/04/2017	8m4t	3,06	V07.02.06	DH	15/12/2010	x	Anh A2	x	x
551	Nguyễn Thị Thu Hằng	Hằng		GV	MN xã Đại Áng	21/05/1977	01/11/2011	12/04/2017	8m4t	3,46	V07.02.06	DH	08/07/2009	x	Anh A2	x	x
552	An Thị Thủy	Mai		GV	MN xã Đại Áng	20/01/1980	01/11/2011	12/04/2017	8m4t	3,46	V07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh A2	x	x
553	Nguyễn Thị An	An		GV	MN xã Đại Áng	18/09/1990	01/11/2013	01/05/2014	6m4t	2,46	V07.02.06	CD	22/06/2012	x	Anh A2	x	x
554	Nguyễn Thị Quyên			GV	MN xã Đại Áng	25/04/1993	01/11/2013	01/05/2014	6m4t	2,26	V07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh A2	x	x
555	Nguyễn Thị Hằng			GV	MN xã Đại Áng	19/09/1986	01/11/2013	01/10/2014	6m4t	2,26	V07.02.06	DH	20/10/2017	x	C	x	x
556	Nguyễn Thị Thái			GV	MN xã Đại Áng	06/04/1967	01/11/2011	12/04/2017	8m4t	3,66	V07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức vụ hiện tại (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hàng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ (số năm và tháng, kể từ thời gian bổ nhiệm hoặc tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Viện hàng, công chi theo yêu cầu của hàng dự thi					Đã tiếp nhận, tiếp nhận và thanh toán lương quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)
		Nam	Nữ							Hệ số lương	Mức lương chức danh nghề nghiệp bậc lương	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên nghiệp (ngày/ tháng/ năm)	Đã tiếp nhận, tiếp nhận và thanh toán lương quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện giữ (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)	
557	Lê Thị	Vân		GV	MN xã Đại Áng	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n6t	2,26	V/07.02.06	CD	09/06/2014	x	Anh A2	x	x
558	Phạm Hồng	Hành		GV	MN xã Đại Áng	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4t	3,46	V/07.02.06	DH	29/05/2012	x	Anh B	x	x
559	Nguyễn Thị	Thúy		GV	MN xã Đại Áng	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4t	3,26	V/07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh B	x	x
560	Nguyễn Thị Hải	Vân		GV	MN xã Đại Áng	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4t	3,26	V/07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh A2	x	x
561	Nguyễn Thị	Phượng		GV	MN xã Đại Áng	31/10/2013	01/11/2013	12/04/2017	6n4t	3,06	V/07.02.06	DH	15/07/2013	x	Anh A2	x	x
562	Nguyễn Thị	Vân		GV	MN xã Đại Áng	01/10/2011	01/10/2011	30/05/2017	8n5t	2,66	V/07.02.06	DH	12/08/2015	x	Anh A2	x	x
563	Nguyễn Thị	Thúy		GV	MN xã Đại Áng	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n6t	3,06	V/07.02.06	DH	21/03/2011	x	Anh B	x	x
564	Phạm Thị Thu	Phượng		GV	MN xã Đại Áng	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4t	3,26	V/07.02.06	DH	15/07/2009	x	Anh A2	x	x
565	Nguyễn Thị Mỹ	Hành		Hiệu trưởng	MN Yên Ngun	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12n8th	3,26	V/07.02.06	DHSPMN	15/07/2009	x	Anh B1	x	x
566	Trịnh Thị Kiều	Dung		Phó hiệu trưởng	MN Yên Ngun	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	3,46	V/07.02.06	DHSP	04/2012	x	Anh A2	x	x
567	Nguyễn Thu	Huyền		Phó hiệu trưởng	MN Yên Ngun	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,26	V/07.02.06	DHSPMN	04/12/2008	x	Anh A2	x	x
568	Lưu Thị Như	Quỳnh		GV/MN	MN Yên Ngun	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	2,86	V/07.02.06	DHSPMN	25/03/2014	x	Anh A2	x	x
569	Phạm Thị Thanh	Thúy		TTCM 4T	MN Yên Ngun	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	4,06	V/07.02.06	CDSPMN	15/07/2009	x	Anh A2	x	x
570	Trương Thị	Thân		TTCM 5T	MN Yên Ngun	01/11/2011	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	3,06	V/07.02.06	CDSPMN	10/2013	x	Anh A2	x	x
571	Lê Thị	Ngo		GV/MN	MN Yên Ngun	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	3,46	V/07.02.06	DHSPMN	11/2009	x	Anh A2	x	x
572	Trương Thị Anh	Tuyết		GV/MN	MN Yên Ngun	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	2,66	V/07.02.06	DHSPMN	04/2015	x	Anh A2	x	x
573	Bà Thị Huyền	Trang		GV/MN	MN Yên Ngun	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n5th	2,46	V/07.02.06	CDSPMN	3/2013	x	Anh A2	x	x
574	Phạm Thị	Chi		GV/MN	MN Yên Ngun	01/11/2012	01/05/2013	12/04/2017	6n9th	2,46	V/07.02.05	CDSPMN	06/2012	x	Anh A2	x	x
575	Lê Thị	Mai		GV/MN	MN Yên Ngun	01/11/2012	01/05/2013	12/04/2017	6n9th	2,46	V/07.02.06	CDSPMN	06/2012	x	Anh A2	x	x
576	Trần Thị	Thúy		TTCM nhà trẻ	MN Yên Ngun	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8n3th	2,86	V/07.02.06	DHSPMN	12/2012	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức hiện tại (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào chức vụ hiện tại (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (từ năm đến năm, kể từ thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Bà tiêu chuẩn, tiêu chức và thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC cấp huyện trở lên)
		Năm	Ngày							Hạng lương	Mức lương					
577	Nguyễn Thị Xuân	Thủy	14/02/1975	GVMAN	MN Yển Ngưu	01/1/2011	01/1/2011	12/04/2017	8a3th	3,46	V.07.02.05	DHSPMN	29/5/2012	x	Anh A2	x
578	Nguyễn Thị Mỹ Trích		20/12/1986	GVMAN	MN Yển Ngưu	01/1/2011	01/1/2011	12/04/2017	8a3th	2,86	V.07.02.06	DHSPMN	12/2/2012	x	Anh A2	x
579	Phạm Thị Thu Hằng		20/11/1988	GVMAN	MN Yển Ngưu	01/1/2012	01/1/2012	12/04/2017	7a3th	2,86	V.07.02.06	DHSPMN	2012	x	Anh A2	x
580	Ngô Thị Hải Âu		25/05/1983	GVMAN	MN Yển Ngưu	01/1/2013	01/05/2014	12/04/2017	5a9th	2,46	V.07.02.05	DHSPMN	1/2016	x	Anh A2	x
581	Lê Hồng Thơm		13/09/1991	GVMAN	MN Yển Ngưu	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5a5th	2,46	V.07.02.06	DHSPMN	4/2015	x	Anh A2	x
582	Lục Thị Trà Giang		09/01/1992	GVMAN	MN Yển Ngưu	01/1/2012	01/05/2013	12/04/2017	6a9th	2,46	V.07.02.06	DHSPMN	01/2016	x	Anh A2	x
583	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/12/1981	Phó Hiệu trưởng	MN B xã Ngõ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	8a4th	3,06	V.07.02.06	DHSP	10/2013	BH	Anh A2	x
584	Bùi Tuyết Mai		03/03/1979	Phó Hiệu trưởng	MN B xã Ngõ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	8a4th	3,06	V.07.02.06	DHSP	3/2011	CD	Anh A2	x
585	Nguyễn Thị Thủy		10/10/1991	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/09/2014	01/09/2014	12/4/2017	5a6th	2,46	V.07.02.06	DHSP	01/2016	x	Anh A2	x
586	Trần Thị Hải Yến		18/04/1970	Hiệu trưởng	MN B xã Ngõ Hiệp	03/03/1989	03/03/1989	12/4/2017	3ln	4,06	V.07.02.06	DHSP	7/2009	x	Anh B1	x
587	Nguyễn Thị Thủy Dương		22/12/1981	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/1/2013	01/1/2013	12/4/2017	6a4th	2,66	V.07.02.06	DHSP	3/2016	x	Anh A2	x
588	Nguyễn Thị Dung		27/01/1987	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	8a4th	2,86	V.07.02.06	DHSP	12/2012	x	Anh A2	x
589	Nguyễn Thị Phương		15/01/1988	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/1/2013	01/1/2013	12/4/2017	6a4th	2,66	V.07.02.06	DHSP	4/2015	x	Anh A2	x
590	Trần Thị Hồng Thủy		20/01/1984	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/1/2012	01/1/2012	12/4/2017	7a4th	3,26	V.07.02.06	DHSP	7/2013	x	Anh A2	x
591	Lê Thị Lê Thủy		20/06/1982	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/1/2011	01/1/2011	12/4/2017	8a4th	2,86	V.07.02.06	DHSP	4/2015	x	Anh A2	x
592	Dương Thị Nhung		09/1/1987	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/9/2014	01/9/2014	12/4/2017	5a6th	2,66	V.07.02.06	DHSP	4/2015	x	Anh A2	x
593	Nguyễn Thị Dung		05/01/1982	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/1/2013	01/5/2014	12/4/2017	5a10th	2,46	V.07.02.06	DHSP	3/2016	x	Anh A2	x
594	Nguyễn T. Thanh Nhàn		01/9/1985	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4a11th	2,26	V.07.02.06	DHSP	6/2018	x	Anh A2	x
595	Phạm T. Huyền Trang		10/5/1989	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4a11th	2,26	V.07.02.06	DHSP	6/2018	x	Anh A2	x
596	Phạm Thị Hải Yên		17/9/1993	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4a11th	2,26	V.07.02.06	DHSP	6/2018	x	Anh A2	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh cấp bậc	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức vào biên chế (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng lương giới ngạch học bậc (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ bậc (tính từ tháng, số tháng, số ngày học bậc) (ngày/tháng/năm)	Mức lương		Vấn bằng, chứng chỉ				Bổ sung, khác biệt và thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐC đáp tuyển trở lại)	
		Năm	Tháng							Hiện tại	Hiện tại	Thời điểm được cấp bằng chứng bằng cấp học bậc (ngày/ tháng/năm)	Bằng cấp chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chứng bằng cấp học bậc (ngày/ tháng/năm)	Bằng cấp chuyên môn		Thời điểm được cấp bằng chứng bằng cấp học bậc (ngày/ tháng/năm)
597	Nguyễn Thị Mùi	Mùi	08/10/1991	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4n1th	2.26	V.07.02.06	DHSP	6/2018	x	Anh A2	x	x
598	Phạm Thị Xê	Xê	19/11/1994	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4n1th	2.26	V.07.02.06	DHSP	6/2018	x	Anh A	x	x
599	Nguyễn Thị Bình	Bình	09/06/1992	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4n1th	2.26	V.07.02.06	DHSP	6/2018	x	Anh A2	x	x
600	Đặng Thị Huyền	Trang	05/09/1993	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4n1th	2.26	V.07.02.06	DHSP	6/2018	x	Anh A2	x	x
601	Nguyễn Thị Huyền	Huyền	21/6/1992	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/11/2013	01/5/2014	12/4/2017	5n1th	2.46	V.07.02.06	DHSP	01/2017	x	Anh A2	x	x
602	Đinh Thị Thủy	Thủy	11/02/1981	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/11/2013	01/5/2014	12/4/2017	5n1th	2.46	V.07.02.06	DHSP	01/2017	x	Anh A2	x	x
603	Phu Hài	Yên	10/10/1983	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	7n4th	3.06	V.07.02.06	DHSP	3/2014	x	Anh A2	x	x
604	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/5/1991	Giáo viên	MN B xã Ngõ Hiệp	01/11/2013	01/5/2014	12/4/2017	5n1th	2.26	V.07.02.06	DHSP	01/2017	x	Anh A2	x	x
605	Phạm Bích Ngọc	Ngọc	04/12/1978	Hiệu trưởng	MN Huyện Cung	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 4 tháng	3.26	V.07.02.06	DH SPMN	15/12/2010	x	DH	x	x
606	Nguyễn Thị Hà	Hà	31/12/1977	Phó Hiệu trưởng	MN Huyện Cung	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 4 tháng	3.86	V.07.02.06	DH SPMN	29/05/2012	x	Anh A2	x	x
607	Nguyễn Thu Hằng	Hằng	15/08/1984	Phó Hiệu trưởng	MN Huyện Cung	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 4 tháng	3.26	V.07.02.06	DH SPMN	04/12/2008	x	Anh B2	x	x
608	Vũ Thị Thủy Liên	Liên	11/08/1981	Giáo viên	MN Huyện Cung	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 4 tháng	3.26	V.07.02.06	DH SPMN	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
609	Nguyễn Thị Hằng	Anh	12/08/1984	Giáo viên	MN Huyện Cung	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 4 tháng	3.06	V.07.02.06	DH SPMN	01/12/2012	x	Anh A2	x	x
610	Phạm Thị Tuyết	Tuyết	30/07/1983	Giáo viên	MN Huyện Cung	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7 năm 4 tháng	3.26	V.07.02.06	DH SPMN	29/05/2012	x	Anh A2	x	x
611	Trần Huyền Trang	Trang	11/10/1985	Giáo viên	MN Huyện Cung	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 4 tháng	3.06	V.07.02.06	DH SPMN	21/03/2011	x	Anh A2	x	x
612	Nguyễn Thị Thu Hương	Hương	09/06/1984	Giáo viên	MN Huyện Cung	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 4 tháng	3.26	V.07.02.06	DH SPMN	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
613	Bùi Thanh Hương	Hương	12/02/1985	Giáo viên	MN Huyện Cung	01/11/2011	01/11/2011	12/04/2017	8 năm 4 tháng	3.06	V.07.02.06	DH SPMN	21/03/2011	x	Anh A2	x	x
614	Nguyễn Thị Thanh	Lý	15/6/1976	Phó hiệu trưởng	MN xã Duyên Hà	01/01/2007	01/01/2007	12/4/2017	12n7r	3.06	V.07.02.06	DHSP	08/8/2010	x	Anh A2	x	x
615	Đặng Thị Thu Hạnh	Hạnh	27/3/1978	Phó hiệu trưởng	MN xã Duyên Hà	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	12n1r	3.86	V.07.02.06	DHSP	4/12/2008	x	Anh A2	x	x
616	Phạm Thị Thanh Mai	Mai	13/11/1988	Giáo viên	MN xã Duyên Hà	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8n3r	2.86	V.07.02.06	DHSP	29/01/2016	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chức thực vụ viên chức (ngày/ tháng/năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/năm)	Thời gian giữ hạng (số năm đủ tháng, đủ cả thời gian giữ ngắn hạng đang giữ)	Mức lương hiện hưởng		Vấn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Đã tiêu chuẩn, đủ khiếu và thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCQ, GVĐC cấp huyện trở lên)	
		Nam	Nữ							Mức số hạng cấp bậc hiện giữ	Mức số hạng chức danh hiện giữ	Thời điểm được cấp chứng chỉ ĐK và trình độ tên học	Trình độ chuyên môn ngành nghề	Chứng chỉ bồi dưỡng CĐNN giáo viên ĐN hạng III			
617	Đỗ Anh	Phượng	21/8/1985	Giáo viên	MN và Dạy HA	01/11/2011	01/11/2011	12/4/2017	8m3t	3.06	V.07.02.06	DHSP GD-MN	29/5/2012	x	Anh A2	x	x

Danh sách này gồm có: 617 người.

THƯỜNG ĐƠN